**Thứ 2 ngày 16 tháng 9 năm 2024**

**Tiếng Việt:**

**Đọc: ANH EM SINH ĐÔI**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

\* Kiến thức:

- Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ câu chuyện *Anh em sinh đôi.*

- Biết đọc diễn cảm các đoạn hội thoại phù hợp với tâm lí, cảm xúc của nhân vật.

- Nhận biết được các sự vệc xảy ra trong câu chuyện gắn với thời gian.

- Hiểu suy nghĩ, cảm xúc của nhân vật dựa vào hành động, việc làm và lời nói của nhân vật. Hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyện: Mọi người có thể giống nhau về ngoại hình hoặc một đặc điểm nào đó, nhưng không ai giống ai hoàn toàn, bơi bản thân mỗi người là một thực thẻ duy nhất.

\* Năng lực: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác.

\* Phẩm chất: chăm chỉ, yêu nước.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: máy tính, ti vi

- HS: sgk, vở ghi

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Mở đầu:**  - GV nêu yêu cầu của trò chơi, đồng thời treo tranh lên bảng hoặc chiếu tranh lên màn hình và giao nhiệm vụ cho HS:  + Chơi trò chơi theo nhóm (*Tìm và nói nhanh 5 diểm khác nhau giữa 2 tranh)* hoặc đại diên nhóm lên chơi trước lớp  + HS hoặc đội nào tìm được 5 điểm khác nhau nhanh hơn, HS hoặc đội đó sẽ chiến thắng.  - Khi HS nêu điểm khác nhau, GV khoanh tròn (hoặc chỉ vào) điểm đó trên tranh. | - HS lắng nghe  - HS chơi trò chơi.  - HS thực hiện theo yêu cầu.  *- Đáp án; (1) Bụi cây truóc mặt cậu bé, (2) bụi cây sau thân cây lớn, (3)màu áo của cậu bé, (4) màu quyển sách, (5)chỏm tóc của cậu bé.* |
| - GV gọi HS chia sẻ.  - GV tổng kết trò chơi: Qua trò chơi, HS có thể thấy, dù có những sự vật, hiện tượng nhìn thoáng qua tưởng như rất giống nhau, ví dụ như các anh chị em sinh đôi, nhung họ vẫn có những khác biệt nhất định về hình thức, tinh cách,… GV có thể cho HS xe ột số tranh ảnh về các cặp sinh đôi nổi tiếng (nếu có), và giới thiệu những sự khác biệt giữa họ (về cuộc sống, về lĩnh vực hoạt động,…)  - GV mời HS nêu nội dung tranh minh hoạ. Sau đó GV giới thiệu khái quát bài đọc *Anh em sinh đôi.* | - HS chia sẻ |
| - GV giới thiệu- ghi bài |  |
| **2. Hình thành kiến thức:**  *a. Luyện đọc:*  - GV gọi HS đọc mẫu toàn bài.  - GV HS đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng để phát âm sai, chú ý cách ngắt giọng ở những câu dài.  - Bài chia làm mấy đoạn?  - Yêu cầu HS đọc đoạn nối tiếp lần 1 kết hợp luyện đọc từ khó, câu khó *(vấn vương, xếp khéo léo,...)*  - HS đọc nối tiếp đoạn lần 2 kết hợp giải nghĩa từ.  - Hướng dẫn HS đọc:  + Cách ngắt giọng ở những câu dài, VD: Hai anh em mặc đồng phục/ và đội mũ/ giống hệt nhau,/ bạn bè/ lại cổ cũ nhầm mất thôi; Các bạn cuống quýt/ gọi Khánh thay thế/ khi thấy Long nhăn nhó vì đau/ trong trận kéo co. | - HS đọc  *- Bài chia làm 4 đoạn. Đoạn 1: từ đến đến chẳng bận tâm đến chuyện đó; đoạn 2: tiếp theo đến nỗi gạch nhiên ngập tràn của Long; đoạn 3: tiếp theo đến để trêu các cậu đấy, đoạn 4: còn lại.*  - HS đọc nối tiếp |
| - Cho HS luyện đọc theo cặp.  - Gv nhận xét việc luyện đọc của cả lớp. | - HS luyện đọc |
| *b. Tìm hiểu bài:*  - GV hỏi:  *Câu 1. Long và Khánh được giới thiệu như thế nào?*  *-* GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, chuẩn bị câu trả lời, sau đó trao đổi theo cặp  *Câu 2. Những chi tiết nào thể hiện cảm xúc và hành động của Long khi thấy mình giống anh?*  - GV HD HS đọc lại đoàn đầu của VB, sau đó tìm chi tiết trả lời cho câu hỏi.  - HS trao đổi theo cặp để TLCH. | - HS trả lời  *+ Đáp án: Long và Khánh được giưới thiệu là anh em sinh đôi, giống nhau như đúc.*  *- Ví dụ:*  *+ Cảm xúc của Long khi thấy mình giống anh: Hồi nhỏ cảm thấy khoái chí, lớn lên không còn thấy thú vị nữa, khi chuẩn bị đi hội thao thì Long rất lo lắng.*  *+ Hành động của Long; Cố gắng làm mọi thứ khác anh, từ cách nói, dáng đi, đến trang phục, kiểu tóc.* |
| *Câu 3. Theo em, vì sao Long không muốn giống anh của mình? Chọn câu trả lời hoặc nêu ý kiến của em.*  *A. Vì Long không thích bị mọi người gọi nhầm.*  *B. Vì Long cảm thấy phiền hà khi giống người khác.*  *C. Vì Long muốn khẳng định vẻ riêng của mình.*  - GV nêu câu hỏi, sau đó yêu cầu HS suy nghĩ đẻ chuẩn bị câu trả lời.  - HS làm việc theo nhóm.  - GV yêu cầu đại diện nhóm nêu ý kiến trước lớp.  - GV cho HS nhận xét.  - GV nhận xét, tuyên dương.  *Câu 4. Nhờ nói chuyện với các bạn, Long đã nhận ra mình khác anh như thế nào?*  - GV nêu yêu cầu câu hỏi.  - GV gợi ý HS đọc lại đoạn hội thoại giữa các bạn nhỏ trong câu chuyện để tìm ý trả lời cho câu hỏi.  - GV có thể đặt câu hỏi phụ:  ? Các bạn đã nói những gì về sự khác nhau giữa Long và Khánh?  - GV cho HS trao đổi trong nhóm, theo cặp và thống nhất đáp án.  - GV cho HS trình bày trước lớp.  - GV cho HS nhận xét.  - GV nhận xét, góp ý hoạt động  *Câu 5. Nhận xét về đặc điểm của Long và Khánh thể hiện qua hành động, lời nói của từng nhân vật.*  - GV yêu cầu HS xác định đề bài  - GV HD HS tìm các chi tiết thể hiện hành động và lời nói của Long và Khánh, sau đó nhận xét về Long và Khánh qua các hành động và lời nói đó.  - HS trao đổi trong nhóm.  - GV cho HS nhận xét trong nhóm  - GV cho HS trình bày.  - GV nhận xét, tuyên dương  **-GV hỗ trợ HSKT** | - HS nêu yêu cầu.  - HS thực hiện theo yêu cầu  - Đại diện HS trả lời.  - HS nhận xét.  - HS lắng nghe.  - HS nêu yêu cầu.  - HS đọc đoạn hội thoại.  - HS lắng nghe.  *- Đáp án: Các bạn nói Long và Khánh mỗi người một vẻ, không hề giống nhau. Long chậm rãi, lúc ào cũng nghiêm túc; Khánh nhanh nhảu, hay cười.*  *-* HS thảo luận nhóm để trả lời  - HS trình bày đáp án.  - HS nhận xét.  - HS lắng nghe.  - HS xác định đề bài.  - HS có thẻ kẻ bảng hoặc liệt kê chi tiết về hành động và lời nói của Khánh và Long.  - HS trao đổi, thảo luận nhóm về Khánh và Long.  - HS nhận xét  - HS trình bày trước lớp.  - HS lắng nghe.  **-HSKT luyện đọc từ theo HD của GV** |
| **3. Luyện tập, thực hành:** |  |
| - GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm | - HS lắng nghe |
| - Yêu cầu HS luyện đọc theo nhóm, HS thi đọc. | - HS thực hiện |
| - GV cùng HS nhận xét, đánh giá. |  |
| **4. Vận dụng, trải nghiệm:** |  |
| ? Qua bài đọc, em cảm nhận được điều gì về tình cảm của anh em Long và Khánh? | - HS trả lời. |
| - Nhận xét tiết học. |  |
| - Chuẩn bị bài sau: Công chúa và người dẫn chuyện. |  |

**Luyện từ và câu:**

**DANH TỪ CHUNG, DANH TỪ RIÊNG**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

\* Kiến thức:

- HS biết hai loại danh từ: chung và riêng.

- Phân biệt được danh từ chung và danh từ riêng dựa trên dấu hiệu về ý nghĩa khái quát của chúng.

- Biết cách viết hoa danh từ riêng trong thực tế.

\* Năng lực: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề sáng tạo

\* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: máy tính, ti vi, phiếu học tập

- HS: sgk, vở ghi

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Mở đầu:**  **-** GV hỏi: Danh từ là gì? Yêu cầu HS xác định danh từ trong câu sau: Lan là một học sinh chăm chỉ.  - Nhận xét, tuyên dương.  - Giới thiệu bài – ghi bài | **-** 2-3HS trả lời.  - HS xác định: Lan, học sinh |
| **2. Luyện tập, thực hành:**  **Bài 1: Xếp các từ trong bông hoa vào nhóm thích hợp.**  - Gọi HS đọc yêu cầu.  - Bài yêu cầu làm gì?  - GV mời 1 HS đọc câu lệnh, đọc các từ trong bông hoa và các từ trên giỏ (tên nhóm).  - HS làm việc cá nhân trước khi trao đổi theo cặp hoặc theo nhóm để đối chiếu kết quả.  - 1 - 2 HS đọc tên nhóm và các từ ngữ thích hợp.  - GV có thể viết lên bảng (hoặc làm các thẻ từ hình bông hoa và cho HS thả vào giỏ). | - HS đọc  - HS trả lời (*Xếp các từ vào nhóm thích hợp*).  - HS đọc  - HS trình bày.  - Đáp án:  + người: Chu Văn An, Trần Thị Lý  + sông: Bạch Đằng, Cửu Long  + thành phố: Hà Nội, Cần Thơ |
| - GV nhận xét, truyên dương | - HS lắng nghe. |
| **Bài 2. Chơi trò chơi: Gửi thư.**  *Tìm hộp thư phù hợp với mỗi phong thư.*  G: *Mỗi phong thư ghi nội dung hoặc cách viết của một nhóm từ trên hộp thư A hoặc B.*  - GV mời HS đọc tên trò chơi, cách chơi và gợi ý.  - GV hướng dẫn HS chơi theo nhóm hoặc 2 nhóm đại diện chơi trước lớp. Nếu chơi trong nhóm, HS có thể làm vào phiếu học tập, vở bài tập hoặc ghi ra vở, nháp của mình, sau đó đối chiếu đáp án để tìm ra người thắng (làm xong nhanh và đúng). Nếu 2 nhóm chơi trước lớp, GV chuẩn bị tranh hộp thư và các thẻ chữ hình phong thư để HS có thể thả các phong thư vào đúng hộp thư. Nhóm nào thả đúng và xong trước sẽ thắng. GV lưu ý HS chú ý nội dung và quan sát cách viết hoa/ viết thường của các từ trong bài tập 1 theo gợi ý.  - HS chơi trò chơi theo hướng dẫn của GV. GV tổng kết trò chơi, mời 1 – 2 HS nêu lí do lựa chọn phong thư cho hộp thư.  - GV và cả lớp nhận xét, góp ý, thống nhất đáp án của trò chơi.   |  |  | | --- | --- | | Nhóm A (sông, người, thành phố) | - Viết thường  - Gọi tên một loại sự vật | | Nhóm B (Cửu Long, Chu Văn An, Hà Nội) | - Viết hoa  - Gọi tên một sự vật cụ thể, riêng biệt |   - GV tổng kết: Các từ nhóm A được gọi là danh từ chung. Các từ nhóm B được gọi là danh từ riêng. GV mời 1 HS đọc to phần ghi nhớ về danh từ chung và danh từ riêng. Các HS khác đọc thầm theo. GV mời thêm 1 – 2 HS xung phong nêu lại ghi nhớ mà không cần đọc trong sách. (Danh từ chung là danh từ gọi tên một loại sự vật. Danh từ riêng là danh từ gọi tên một sự vật cụ thể, riêng biệt. Danh từ riêng được viết hoa). GV lưu ý HS cách viết hoa danh từ riêng (viết hoa chữ cái đầu của tất cả các tiếng tạo thành tên). | - HS đọc  - HS lắng nghe  - HS đọc  - HS thực hiện trò chơi theo dự hướng dẫn của GV. |
| **Bài 3. Tìm các danh từ chung và danh từ riêng trong đoạn văn.**  - GV mời 1 HS đọc to yêu cầu.  - GV hướng dẫn HS làm việc nhóm. HS làm việc cá nhân, đọc lại đoạn văn và tìm các danh từ chung và riêng, sau đó nêu trong nhóm.  - Đại diện 2 - 3 nhóm nêu các danh từ chung và danh từ riêng mà nhóm đã tìm được. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - GV ghi các kết quả HS tìm được lên bảng theo hai nhóm (danh từ chung, danh từ riêng) hoặc mời 1 – 2 HS lên bảng ghi kết quả của các nhóm.  - GV cho HS nhận xét  - GV khen ngợi các HS đã tích cực làm bài tập.  **Bài 4. Tìm danh từ theo mỗi nhóm.**  - GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu của bài tập: Tìm danh từ theo mỗi nhóm (với mỗi nhóm, có thể tìm hơn một danh từ), viết vào vở, giấy nháp, … Sau đó trao đổi trong nhóm.  - Đại diện 2 - 3 nhóm trình bày trước lớp.  - GV và cả lớp nhận xét, góp ý. | - HS đọc  - HS lắng nghe theo sự HD của GV  - HS trình bày.  - Đáp án:  + Danh từ chung: người, anh hùng, tuổi, tên, nơi, quê, thôn, xã, huyện, tỉnh, nhiệm vụ, bộ đội.  + Danh từ riêng: Kim Đồng, Việt Nam, Nông Văn Dèn, Nông Văn Dền, Nà Mạ, Trường Hà, Hà Quảng, Cao Bằng.  - HS nhận xét.  - HS lắng nghe.  - Đáp án:   |  |  | | --- | --- | | Danh từ chung chỉ 1 dụng cụ học tập | Thước, bút, cặp sách, sách, vở,… | | Danh từ riêng gọi tên 1 người bạn (lưu ý: có thể chỉ có tên hoặc cả họ cả tên) | Hạnh, Thủy, Thương,…  Vũ Quang Anh, Nguyễn Hà Phương, Nguyễn Gia Hưng,… | | Danh từ chung chỉ 1 nghề | Giáo viên, bác sĩ, kĩ sư, y tá, công nhân, nông dân,… | | Danh từ riêng gọi tên 1 con đường, con phố | Thanh Niên, Kim Mã,… | | Danh từ chung chỉ 1 đồ dung trong gia đình | Quạt, bát, đĩa, chảo, nồi, tủ lạnh, tủ, … | | Danh từ riêng gọi tên 1 đất nước | Mỹ, Pháp, Ba Lan, Hàn Quốc, Nhật Bản, … | |
| - GV lưu ý HS khi viết các danh từ riêng chỉ tên người, tên địa lí phải tuân theo quy tắc viết hoa. Nếu HS nêu các nước có tên phiên âm như Ác-hen-ti-na, Mê-xi-cô, U-ru-goay,… thì GV lưu ý HS quy tắc viết hoa tên riêng phiên âm tiếng nước ngoài.  **-GV hỗ trợ HSKT**  **3. Vận dụng, trải nghiệm:** | **-HSKT Luyện đặt câu theo HD của GV** |
| ? Nhân hóa là gì? Có những cách nhân hóa nào? | - 2-3 HS trả lời |
| ? Đặt câu có sử dụng hình ảnh nhân hóa nói về học tập? | - HS thực hiện |

**Toán:**

**SỐ CHẴN, SỐ LẺ (Tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

\* Năng lực đặc thù:

- Hiểu thế nào là số chẵn, số lẻ.

- Nắm được dấu hiệu nhận biết số chẵn, số lẻ.

\* Năng lực chung: năng lực tư duy, lập luận toán học, giải quyết vấn đề, giao tiếp hợp tác.

\* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: máy tính, ti vi, phiếu bài 1.

- HS: sgk, vở ghi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Mở đầu:**  - GV yêu cầu HS quan sát tranh, hỏi:  + Tranh vẽ gì?  + Hai bạn Mai và Rô-bốt nói chuyện gì với nhau?  + Trong toán học, làm thế nào để nhận biết số chẵn, số lẻ? (Câu hỏi mở) | - HS thảo luận nhóm đôi, chia sẻ.  + Tranh vẽ dãy phố có nhà ở liền kề nhau  + Hai bạn đang nói tới các chữ số ở hai bên dãy nhà, một dãy là số chẵn, dãy còn lại đánh số lẻ.  **-** HS suy ngẫm. |
| - GV giới thiệu- ghi bài |  |
| **2. Hình thành kiến thức:** |  |
| - Theo các em, có cách nào để nhận biết số chẵn, số lẻ không? | - HS trả lời. (Lấy số đó chia cho 2, số chia hết cho 2 là số chẵn, số không chia hết cho 2 là số lẻ) |
| - Yêu cầu HS lấy ví dụ. | - HS nêu. (VD: 8 chia hết cho 2, 6 chia hết cho 2; 7 không chia hết cho 2, 5 không chia hết cho 2 => Như vậy 8, 6 là số chẵn; 7, 5 là số lẽ) |
| - GV khuyến khích HS lấy thêm nhiều ví dụ ở chữ số có hai chữ số, ba chữ số,… | - HS lấy thêm nhiều ví dụ khác. |
| - Từ ví dụ của HS, GV dẫn dắt tới kết luận: | - HS lắng nghe. |
| + Các số có chữ số tận cùng là 0,2,4,6,8 là các số chẵn.  + Các số có chữ số tận cùng là 1,3,5,7,9 là các số lẻ. |  |
| - Yêu cầu HS lấy ví dụ về số chẵn, số lẻ. | - Nối tiếp HS nêu. |
| - Em hãy nêu lại dấu hiệu nhận biết số chẵn, số lẻ? | - 2-3 HS nêu. |
| - GV tuyên dương, khen ngợi HS.  **- GV hỗ trợ HSKT** | **-HSKT đọc các số chẵn từ 0-20** |
| **3. Luyện tập, thực hành:** |  |
| **Bài 1:**  - Gọi HS đọc yêu cầu. | - HS đọc. |
| - Bài yêu cầu làm gì? | - Tìm số chẵn, số lẻ. |
| - GV phát phiếu, yêu cầu HS khoanh bút chì vào số chẵn, bút mực vào số lẻ. | - HS thực hiện. |
| - Yêu cầu HS đổi chéo, đánh giá bài theo cặp. | - HS quan sát đáp án và đánh giá bài theo cặp. |
| - GV hỏi: Làm thế nào em tìm được số chẵn, số lẻ? | - HS trả lời.  + Các số 12, 108, 194, 656, 72 có các chữ số tận cùng lần lượt là 2,8,4,6,2 🡪 là số chẵn.  + Các số 315, 71, 649, 113, 107 có các chữ số tận cùng lần lượt là 5, 1, 9, 3, 7 🡪 là số lẻ. |
| - GV nhận xét chung, tuyên dương HS. |  |
| **Bài 2:**  - Gọi HS đọc yêu cầu. | - HS đọc. |
| - Bài yêu cầu làm gì? | - Tìm số chẵn, số lẻ trên tia số. |
| - GV gọi HS nêu số chẵn nối tiếp. | - HS nêu. (các số: 0, 2, 4, 6, 8, 10, 12) |
| - Vì sao em xác định các số đó là số chẵn? | - Vì các số đó chia hết cho 2 |
| - GV gọi HS nêu số lẻ nối tiếp. | - HS nêu. (các số: 1, 3, 5, 7, 9, 11) |
| - Vì sao em xác định các số đó là số lẻ? | - Vì các số đó không chia hết cho 2 |
| - Từ 0 đến 12 có bao nhiêu số chẵn, bao nhiêu số lẻ? | - HS nêu: có 7 số chẵn, 6 số lẻ |
| - GV khen ngợi HS. |  |
| **Bài 3:**  - Gọi HS đọc yêu cầu. | - HS đọc. |
| - Bài yêu cầu làm gì? | - Tìm xem có bao nhiêu số chẵn, bao nhiêu số lẻ từ 10 đến 31. |
| - Gọi HS nêu cách làm. | - HS nêu. (vẽ tia số sau đó đếm) |
| - Yêu cầu HS làm việc nhóm đôi. | - HS thảo luận theo cặp. |
| - Yêu cầu HS báo cáo kết quả. | - HS chia sẻ đáp án. (Có 11 số chẵn, 11 số lẻ) |
| - GV cùng HS nhận xét. |  |
| **4. Vận dụng, trải nghiệm:** |  |
| - Nêu dấu hiệu nhận biết số chẵn, số lẻ? | - HS nêu. |
| - Nhận xét tiết học. |  |

**Lịch sử & Địa lí:**

**Bài 2: THIÊN NHIÊN VÀ CON NGƯỜI ĐỊA PHƯƠNG EM (T1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Xác định được vị trí của Quảng Ngãi trên bản đồ hành chínhViệt Nam.

- Mô tả được một số nét chính về tự nhiên( ví dụ: địa hình, khí hậu, sông ngòi…..) của địa phương có sử dụng lược đồ hoặc bản đồ.

- Rèn luyện kĩ năng quan sát và sử dụng bản đồ, các tư liệu có liên quan, qua đó góp phần phát triển năng lực khoa học.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự chủ thực hiện sử dụng một số phương tiện học tập môn Lịch sử và Địa lí.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Thực hiện tốt và có sáng tạo trong thực hiện các hoạt động của môn Lịch sử và địa lí.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi, góp ý cùng bạn trong hoạt động nhóm và thực hành.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Biết chia sẻ, giúp đỡ bạn trong sử dụng, thực hành các hoạt động về Lịch sử, Địa lí.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có tinh thần chăm chỉ, ham học hỏi trong tìm hiểu về Lịch sử và Địa lí.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | |
| **1. Khởi động:** | | |
| - GV giới thiệu đoạn thơ trong sách giáo khoa để khơỉ động bài học.  “ Núi rừng đây là của chúng ta  Những cánh đồng thơm mát  Những ngả đường bát ngát  Những dòng sông đỏ nặng phù sa”  - Đoạn thơ trên giúp em liên tưởng đến những cảnh đẹp thiên nhiên nào ở địa phương em?  - GV nhận xét, tuyên dương và dẫn dắt vào bài mới. | | - HS đọc đoạn thơ và trả lời câu hỏi.  - Đoạn thơ trên giúp em liên tưởng đến cảnh lúa chín ở đồng quê, nơi có những cánh đồng xanh ngát, khi chín ngả màu vàng ươm...  - HS lắng nghe. |
| **2. Khám phá***:* | | |
| **Hoạt động 1: Tìm hiểu về vị trí địa lí và đặc điểm tự nhiên ở địa phương em (làm việc chung cả lớp)**  ***\* Tìm hiểu về vị trí địa lí:***  - GV giới thiệu bản đồ hành chính Việt Nam.    - GV nêu câu hỏi: Em hãy quan sát hình 1 và cho biết:  + Xác định vị trí tỉnh Quảng Ngãi trên bản đồ hành chính Việt Nam.  + Tỉnh Quảng Ngãi tiếp giáp với các tỉnh / thành phố nào ?  + Tỉnh Quảng Ngãi tiếp giáp với những vùng biển nào?  - GV mời một số HS lên chỉ bản đồ và trả lời các câu hỏi trên.  - GV nhận xét, tuyên dương.  **\* Tìm hiểu về thiên nhiên.**  - GV giới thiệu lược đồ tự nhiên  - GV mời HS sinh hoạt theo nhóm 2, thảo luận và thực hiện 2 nhiệm vụ:  + Cho biết bảng chú giải thể hiện những đối tượng nào?  + Quan sát lược đồ cho biết đặc điểm địa hình của tỉnh Quảng Ngãi?  + Đặc điểm sông, hồ ở tỉnh Quảng Ngãi như thế nào?  + Khí hậu Quảng Ngãi chia làm mấy mùa?  - GV nhận xét và bổ sung | | - HS quan sát bản đồ và đọc phần chú giải của bản đồ.  - HS làm việc chung cả lớp, quan sát bản đồ và trả lời câu hỏi:  + Quảng Ngãi là tỉnh thuộc vùng Duyên hải miền Trung  + Phía bắc giáp với tỉnh Quảng Nam, phía tây giáp Kon Tum; Gia Lai; nam giáp Bình Định;  + Phía đông QN giáp Biển Đông.Quảng Ngãi có đường bờ biển dài có huyện đảo Lý Sơn.  - Một số Hs lên thực hiện, cả lớp nhận xét bổ sung.  + Quảng Ngãi là vùng đồng bằng Duyên hải MT, có địa hình thấp đa dạng  + Quảng Ngãi có các sông lớn như sông Trà, sông Vệ, Sông Trà Bồng...; các hồ chứa như hồ Nước Trong, Đak rinh  + Khí hậu Quảng Ngãi có khí hậu nhiệt đới gió mùa. Một năm có 2 mùa: Mùa mưa và mùa khô, mùa mưa thường từ tháng 9 đến tháng 11 thường có lũ, bão..  - HS chú ý lắng nghe. |
| **3. Luyện tập**  **-** Mục tiêu:  + Biết hoàn thành bảng thông tin về vị trí địa lí và đặc điểm tự nhiên ở Quảng Ngãi  + Rèn luyện kĩ năng quan sát và sử dụng bản đồ, các tư liệu có liên quan, qua đó góp phần phát triển năng lực khoa học.  **-** Cách tiến hành: | | |
| **Hoạt động 2: Hoàn thành bảng thông tin về vị trí địa lí và đặc điểm tự nhiên ở** Quảng Ngãi  **.(Làm việc nhóm 4)**  - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài.  - Mời cả lớp sinh hoạt nhóm 4, cùng nhau thảo luận và hoàn thành bảng thông tin.   |  |  | | --- | --- | | **A** | **B** | | Tên các tỉnh/thành phố tiếp giáp với Quảng Ngãi | ? | | Các mùa trong năm của Quảng Ngãi | ? | | Tên một số tuyến đường giao thông ở Quảng Ngãi | ? |   - GV mời các nhóm trưng bài kết quả lên bản lớp.  - GV mời cả lớp cùng quan sát và đánh giá kết quả.  - GV nận xét tuyên dương  **-GV hỗ trợ HSKT** | | - 1 HS đọc yêu cầu bài.  - Cả lớp sinh hoạt nhóm 4, cùng nhau thảo luận và hoàn thành bảng thông tin.   |  |  | | --- | --- | | **A** | **B** | | Tên các tỉnh/thành phố tiếp giáp với Quảng Ngãi. | Quảng Nam, Kon Tum, Gia Lai, Bình Định | | Các mùa trong năm của Quảng Ngãi | Mùa mưa, mùa khô | | Tên một số tuyến đường giao thông ở Quảng Ngãi | Đường bộ, đường sắt, |   - Đại diện các nhóm trưng bài kết quả lên bản lớp.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm  -HSKT Tham gia các HĐ học tập cùng bạn |
| **4. Vận dụng trải nghiệm.** | | |
| - GV mời HS tham gia trò chơi “Ai nhanh – Ai đúng”  + Luật chơi: chơi theo tổ, mỗi tổ cử một số bạn tham gia chơi. Trong thời gian 1 phút mỗi tổ kể tên các huyện thuộc tỉnh Quảng Ngãi. Tổ nào kể đúng và nhanh nhất là thắng cuộc.  + GV mời các tổ tham gia cùng tham gia chơi, GV làm trọng tài bấm giờ và xác định kết quả.  + Nhận xét kết quả các tổ, tuyên dương.  - Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò về nhà. | - Học sinh lắng nghe luật trò chơi.  + Các tổ tham gia chơi.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. | |

**Khoa học:**

**Bài 2: SỰ CHUYỂN THỂ CỦA NƯỚC VÀ VÒNG TUẦN HOÀN CỦA NƯỚC**

**TRONG TỰ NHIÊN (Tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

\* Năng lực đặc thù:

- Quan sát và làm được thí nghiệm đơn giản để phát hiện ra sự chuyển thể của nước.

- Vẽ sơ đồ và sử dụng được các thuật ngữ: bay hơi, ngưng tụ, đông đặc, nóng chảy để mô tả sự chuyển thể của nước.

- Vẽ được sơ đồ và ghi chú được “vòng tuần hoàn của nước trong tự nhiên”

\* Năng lực chung: Năng lực tư duy, giải quyết vấn đề, giao tiếp hợp tác.

\* Phẩm chất: Chăm chỉ, tích cực và yêu thích môn học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: Máy tính, ti vi, dụng cụ làm thí nghiệm ở hình 3. Khay nước, khay đá, bảng nhóm.

- HS: SGK, vở ghi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Mở đầu:**  - GV cho HS quan sát hiện tượng khi dùng khăn ẩm lau bảng thì thấy bảng ướt sau đó bảng khô.  - Từ đó GV đặt câu hỏi: Vậy nước ở bảng đã đi đâu?  - GV nhận xét, tuyên dương | - HS quan sát  - HS trả lời  - HS lắng nghe |
| - GV giới thiệu- ghi bài | - HS ghi bài |
| **2. Hình thành kiến thức:**  **HĐ 1: Sự chuyển thể của nước** |  |
| *\*Thí nghiệm 1:*  - GV chia lớp thành 4 nhóm HS, yêu cầu tất cả HS đọc thông tin trong SGK trước khi đi vào hoạt động cụ thể.  - GV tiến hành thí nghiệm trong SGK trang 10.  - Yêu cầu HS quan sát thí nghiệm, thảo luận và trả lời câu hỏi vào bảng nhóm.  + Cho biết nước có thể tồn tại ở thể nào?  *(Nước có thể tồn tại ở thể rắn, lỏng, khí)*  + Chỉ ra sự chuyển thể của nước đã xảy ra trong mỗi hình? | - HS thực hiện  - HS quan sát  - HS trả lời  - HS trả lời |
| (*Hình 2a: Từ thể lỏng sang thể rắn.*  *Hình 2b: Từ thể rắn sang thể lỏng*  *Hình 3a: Từ thể lỏng sang thể khí.*  *Hình 3b: Từ thể khí sang thể lỏng)*  - GV cho 1 – 2 nhóm trả lời câu hỏi và nhận xét chéo nhau.  - GV nhận xét phần trình bày của các nhóm.  \* Thí nghiệm 2:  *\*Thí nghiệm 2:*  - GV hướng dẫn các nhóm quan sát hình 4, thảo luận và trả lời câu hỏi trong SGK vào bảng nhóm:  + Từ còn thiếu ở hình 4b là gì?  *(Thể lỏng)*  + Hiện tượng nào tương ứng với các số (1), (2), (3), (4) mô tả sự chuyển thể của nước?  (*Nóng chảy, bay hơi, ngưng tụ và đông đặc)*  - GV cho các nhóm nhận xét chéo nhau?  - GV nhận xét phần trình bày của các nhóm và chốt lại kiến thức: Sự chuyển từ thể này sang thể khác của nước được diễn tả bằng các hiện tượng tương ứng trong bảng sau:  - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi SGK trang11 để củng cố kiến thức.  - Quan sát hình 5 và cho biết sự chuyển thể của nước đã xảy ra trong mỗi hình?  - GV tuyên dương và chuyển sang hoạt động tiếp theo?  **\* HĐ 2: Vòng tuần hoàn của nước trong tự nhiên**  **HĐ 2.1**  **-** Hướng dẫn các nhóm quan sát và đọc thông tin hình 6, thảo luận và trả lời câu hỏi: “Hãy cho biết”  + Mây được hình thành như thế nào?  + Nước mưa từ đâu ra?  (Mưa được tạo ra từ các hạt nước lớn trong đám mây đen rơi xuống)  + Sự chuyển thể nào của nước diễn ra trong tự nhiên” quan trọng đối với chúng ta?  (*Có hai sự chuyển thể của nước trong tự nhiên là thể lỏng thành thể khí và thể khí thành thể khí thành thể lỏng và sự chuyển thể đó được lặp đi, lặp lạ*i) | - HS trả lời  - HS lắng nghe  - HS thực hiện  - HS nêu  - HS trả lời  - HS nhận xét chéo nhau  - HS lắng nghe và nêu lại  - HS trả lời  - HS nêu  - HS lắng nghe  - HS quan sát  - HS nêu  - HS trả lời  - HS trả lời  **-HSKT tham gia tìm hiểu bài cùng bạn**  - HS nêu  - HS lắng nghe |
| + Vì sao vòng tuần hoàn của nước trong tự nhiên quan trọng với chúng ta?  (*Vòng tuần hoàn của nước trong tự nhiên quan trọng với chúng ta vì nước trên Trái Đất sẽ không bị mất đi: Nước từ mặt đất, sông, hồ, biển ... sau một chu trình lại trở về và giúp chúng ta lại có nước sinh hoạt, sản xuất.)*  **3. Vận dụng, trải nghiệm:**  - Nước có thể tồn tại ở thể nào?  - Nhận xét tiết học |

**Thứ 3 ngày 17 tháng 9 năm 2024**

**Tiếng Việt**

**Viết: TÌM Ý CHO ĐOẠN VĂN NÊU Ý KIẾN**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

\* Kiến thức:

- Tìm được ý cho đoạn văn nêu ý kiến

- Bước đầu xây dựng được những chi tiết thể hiện sự sáng tạo.

\* Năng lực: năng lực ngôn ngữ, giải quyết vấn đề sáng tạo.

\* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: máy tính, ti vi

- HS: sgk, vở ghi

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Mở đầu:**  GV cho HS đọc 2 đề trong SGK và yêu cầu HS chọn 1 trong 2 đề dưới đây:  **Đề 1**: Viết đoạn văn nêu lí do yêu thích một câu chuyện về tình cảm gia đình mà em đã học hoặc đã nghe.  **Đề 2**: Viết đoạn văn nêu lí do yêu thích một câu chuyện về các con vật mà em đã đọc hoặc đã nghe. | - 2-3 HS đọc và lựa chon đề theo sự lựa chọn của mình |
| **2. Luyện tập, thực hành**  a. Chuẩn bị  - GV mời 1 HS đọc các đề bài. Cả lớp cùng đọc thầm theo.  - GV hướng dẫn HS lựa chọn 1 trong 2 đề và xác định yêu cầu trọng tâm của đề bài.  - HS đọc các yêu cầu chuẩn bị trong SHS.  - GV yêu cầu HS suy nghĩ, thảo luận nhóm chuẩn bị ý kiến để trình bày trong nhóm.  - GV gợi ý cho HS để từng HS trình bày các ý kiến của mình trong nhóm. GV lưu ý HS nêu lí do yêu thích một câu chuyện thật rõ ràng, thuyết phục vì đây là trọng tâm của đề bài.  **b. Tìm ý.**  - GV hướng dẫn HS đọc kĩ gợi ý trong SHS theo từng phần của đoạn văn (mở đầu, triển khai, kết thúc).  - HS dựa vào các câu trả lời đã nêu ở phần Chuẩn bị, tìm ý cho bài làm của mình.  - HS viết vào vở hoặc giấy nháp các ý đã tìm được.  - GV nhận xét nhanh một số bài của HS, khen ngợi những HS thực hiện tốt yêu cầu và hỗ trợ những HS còn gặp khó khăn trong việc tìm ý.  **c. Góp ý và chỉnh sửa.**  - GV hướng dẫn HS đổi vở với bạn trong nhóm, đọc thầm phần tìm ý của bạn, góp ý nhận xét theo hướng dẫn trong SHS.  - GV yêu cầu HS nhận xét.  - Chỉnh sửa ý theo góp ý.  - GV nhận xét | - HS đọc đề bài.  - HS lắng nghe  - HS đọc  - HS thảo luận  - HS trình bày ý kiến cá nhân.  - HS lắng nghe.  - HS thực hiện  - HS làm bài vào vở hoặc nháp.  - HS lắng nghe.  - HS đổi vở hoặc nháp trong nhóm.  - HS góp ý. Nhận xét  - HS chỉnh sửa.  - HS lắng nghe |
| **3. Vận dụng, trải nghiệm:** |  |
| - GV hướng dẫn HS thực hiện hoạt động Vận dụng: HS viết, vẽ, … lên một tấm bìa cứng để giới thiệu bản thân mình một cách thật sáng tạo (giống như thiết kế một poster). VD: Sử dụng các từ ngữ độc đáo, ấn tượng để mô tả bản thân, trang trí bằng các hình vẽ, biểu tượng,… thật đẹp, sử dụng các khung hình hoặc ô chữ để giúp bài giới thiệu trông hấp dẫn hơn, …  - GV lưu ý HS chú ý quy tắc viết hoa khi sử dụng các danh từ riêng trong phần giới thiệu. Sau khi làm xong tấm bìa giới thiệu về bản thân, HS có thể chia sẻ và xin góp ý của người thân.  - GV nhắc lại các nội dung HS đã được học:  + Đọc và tìm hiểu văn bản *Anh em sinh đôi.*  + Tìm hiểu và luyện tập về danh từ chung, danh từ riêng.  + Tìm ý cho đoạn văn nêu ý kiến.  - GV dặn HS về nhà đọc trước bài 4. | - HS lắng nghe HD  - HS lắng nghe và chia sẻ.  **- HS KT luyện đọc câu văn theo HD của GV**  - HS lắng nghe. |

**Toán:**

**SỐ CHẴN, SỐ LẺ (Tiết 2)**

**LUYỆN TẬP**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

\* Năng lực đặc thù:

- Củng cố cách nhận biết số chẵn, số lẻ; nhận biết hai số chẵn liên tiếp, hai số lẻ liên tiếp.

- Vận dụng vào giải các bài tập, bài toán thực tế,

\* Năng lực chung: năng lực tư duy, lập luận toán học, giải quyết vấn đề, giao tiếp hợp tác.

\* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: máy tính, ti vi, phiếu bài 2.

- HS: sgk, vở ghi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Mở đầu:**  - Nêu dấu hiệu nhận biết số chẵn, số lẻ?  - Xác định số chẵn, số lẻ trong các số: 123, 324, 56, 78, 215. | - HS trả lời.  - Hs nêu. |
| - GV giới thiệu - ghi bài. |  |
| **2. Luyện tập, thực hành:** |  |
| **Bài 1:**  - Gọi HS đọc yêu cầu. | - HS đọc. |
| - Bài yêu cầu làm gì? | - Con ong bay đến bông hoa màu nào nếu bay theo đường ghi số chẵn, nếu bay theo đường ghi số lẻ. |
| - GV yêu cầu HS quan sát, trả lời. | - HS thực hiện.  a) Bay đến bông hoa màu xanh  b) Bay đến bông hoa màu vàng |
| - Làm sao để xem xác định được màu bông hoa ghi số chẵn, màu bông hoa ghi số lẻ? | - HS trả lời. (dựa vào dấu hiệu nhận biết số chẵn, số lẻ. Chữ số 6408 có chữ số tận cùng là 8 🡪 số chẵn); chữ số 1965 có chữ số tận cùng là 5 🡪 số lẻ) |
| - GV nhận xét chung, tuyên dương HS.  **-GV hỗ trợ HSKT** | **-HSKT đọc các số chẵn từ 0-20** |
| **Bài 2:**  - Gọi HS đọc yêu cầu. | - HS đọc. |
| - Bài yêu cầu làm gì? | - Nêu số nhà còn thiếu và dãy số chẵn và dãy số lẻ. |
| - Yêu cầu HS làm phiếu sau đó đổi chéo. | - HS thực hiện.  a) 116, 118, 120, 122, 124, 126  b) 117, 119, 121, 123, 125, 127 |
| - Yêu cầu HS nêu cách làm. | - HS nêu. (Cứ 1 số nhà chẵn, đối diện với nó là 1 số lẻ, giống như Mai và Rô-bốt đã tìm hiểu ở dãy phố bài học trước) |
| - GV củng cố dấu hiệu nhận biết số chẵn, số lẻ. | - HS lắng nghe. |
| - GV khen ngợi HS. |  |
| **Bài 3:**  - Gọi HS đọc yêu cầu. | - HS đọc. |
| - Bài yêu cầu làm gì? | - Điền số vào ô trống. |
| - GV gọi HS trả lời và nêu cách làm ý a) | - HS nêu.  a) ...2 đơn vị (lấy 118 – 116 = 2)  ...2 đơn vị (lấy 119 – 117 = 2) |
| - Để tìm được 2 số chẵn liên tiếp hoặc 2 số lẻ liên tiếp ta làm cách nào? | - Ta cộng thêm 2 |
| - GV gọi HS trả lời và nêu cách làm ý b) | - HS nêu:  b) 78, 80, 82 (cộng thêm 2)  67, 69, 71 (cộng thêm 2) |
| - GV cùng HS nhận xét, chốt: hai số chẵn liên tiếp hơn kém nhau 2 đơn vị; hai số lẻ liên tiếp hơn kém nhau 2 đơn vị. Để tìm được 2 số chẵn liên tiếp hoặc 2 số lẻ liên tiếp ta lấy số đó cộng thêm 2. | - HS thực hiện |
| **Bài 5:**  - Gọi HS đọc yêu cầu. | - HS đọc. |
| - Bài yêu cầu làm gì? | - Lập số chẵn và số lẻ có 2 chữ số từ các số 7,4,5. |
| - GV yêu cầu làm việc theo cặp, thực hiện yêu cầu bài. | - HS thảo luận theo cặp.  + Số chẵn: 74, 54.  + Số lẻ: 47, 45, 75, 57 |
| - Dựa vào đâu em lập được các số chẵn, các số lẻ? | - HS trả lời. (chữ số tận cùng là 4 🡪 số chẵn; chữ số tận cùng là 5, 7 🡪 số lẻ) |
| - GV cùng HS nhận xét, đánh giá và tuyên dương. |  |
| **3. Vận dụng, trải nghiệm:** |  |
| - Nêu dấu hiệu nhận biết số chẵn, số lẻ?  - Hai số chẵn liên tiếp, hai số lẻ liên tiếp hơn kém nhau mấy đơn vị? | - HS nêu. |
| - Nhận xét tiết học. |  |

**Thứ 4 ngày 18 tháng 9 năm 20234**

**Toán**

**BÀI 4: BIỂU THỨC CHỨA CHỮ (Tiết 1) – Trang 14**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

\* Năng lực đặc thù:

- Nhận biết được biểu thức chứa chữ (2 + a là biểu thức chứa chữ).

- Biết cách tính giá trị của biểu thức chứa chữ với mỗi giá trị của chữ, vận dụng giải được các bài tập 1, 2, 3 ở phần hoạt động.

\* Năng lực chung: Năng lực tư duy, lập luận toán học, giải quyết vấn đề, giao tiếp hợp tác.

\* Phẩm chất: Chăm chỉ, ham học, có tinh thần tự học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Phấn màu, máy chiếu, bài giảng điện tử

**III. Các hoạt động dạy - học CHỦ YẾU.**

| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| --- | --- |
| **1. Khởi động**  - GV tổ chức cho HS hát tập thể.  **-** Gọi Hs lên bảng tính:  a) 354 + 21 – 100  = 375 – 100  = 275  b) 5212 x 2 + 210  = 10424 + 210  = 10634  - GV gọi 1-2 HS làm bài trên bảng.  - Gọi HS nhận xét và chữa bài  - GV nhận xét, đánh giá.  - GV giới thiệu vào bài. | - Lớp hát tập thể  - HS hoàn thàn bài.  - HS nhận xét.  - HS lắng nghe  - HS viết tên bài |
| **2. Khám phá** |  |
| - GV HD HS.    - GV yêu cầu HS tính ra nháp  - GV đưa tình hình từ chuyện gấp thuyền của Nam, Việt, Mai đưa ra biểu thứa chứa chữ 2 + a.  **-** Nếu a = 4 thì 2 + a = 2 + 4 = 6. 6 là một giá trị của biểu thức 2 + a  - Nếu a = 12 thì 2 + a = 2 + 12 = 14, 14 là giá trị của biểu thức 2 + a.  Mỗi lần tay chữ a bằng một số ta tính được một giá trị của biểu thức 2 + a  => Kết luận: Qua ví dụ trên các em có thể thấy được 2 + a chính là một bài toán lớp 4 biểu thức có chứa một chữ. Mỗi lần thay chữ số a bằng một số, ta được một giá trị mới của biểu thưc 4 + n.  - Dựa vào ví dụ GV cho HS làm câu b.  b) Tính giá trị của biểu thức 40 – b với b = 15.  - GV hướng dẫn HS thực hiện tương tự. Có thể thay đổi ngữ liệu.  40 – b = 40 – 15  = 25.  -> Chốt Cách tính giá trị biểu thức có chứa một chữ.  B1: Xác định giá trị của chữ (a,b,c,x,y,z,….)xuất hiện trong biểu thức từ đề bài đã cho.  B2: Thay giá trị tương ứng của chữ số đó vào biểu thức ban đầu.  B3: Thực hiện phép tính giá trị biểu thức (nhân chia trướ, cộng trừ sau, trong ngoặc trước ngoài ngoặc sau)  B4: Đưa ra kết quả và kết luận  - GV cho HS trình bày và nhận xét  - GV nhận xét, chốt kết luận  **- GV hỗ trợ HSKT** | - HS lắng nghe.  - HS thực hiện  - HS trình bày bài  - HS nhận xét,  - HS lắng nghe.  **-HSKT luyện đọc STN từ 0-20 theo HD của GV** |
| **2. Luyện tập:**  **Bài 1. Tính giá trị biểu thức:**  **a) 125 : m = 125 : 5**  **b) (b + 4) x 3 = (27 + 4) x 3**  - GV gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  - GV cho HS làm việc theo nhóm đôi  - GV mời các nhóm trình bày.  **áp án:**  a) 125 : m = 125 : 5  = 25  b) (b + 4) x 3 = (27 + 4) x 3  = 31 x 3  = 93  - Mời các nhóm khác nhận xét  - GV nhận xét chung, tuyên dương  => Củng cố cách tính giá trị biểu thức có chứa chữ. | - HS đọc yêu cầu bài toán.  - Các nhóm làm việc theo nhóm đôi  - 1-2 nhóm trình bày.  - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. |
| **Bài 2**. **Chu vi P của hình vuông có độ dài cạnh là a được tính theo công thức:**    **Hãy tính chu vi hình vuông với a = 5 cm; a = 9cm.**  Tính chu vi hình vuông có độ dài cạnh là a = 5 cm và a = 9 cm,  - GV yêu cầu HS đọc đề bài  - GV yêu cầu HS áp dụng công thức tính chu vi hình vuông để tính được chu vi hình vuông.  **Đáp án**:  P = 5 x 4 = 20 (cm)  P = 9 x 4 = 36 (cm)  - P = a x 4 là biểu thức có chứa một chữ.  - GV cho HS nhận xét và chốt đáp án đúng.  - GV nhận xét, tuyên dương | - HS học đề bài.  - HS làm bài theo yêu cầu  - HS trình bày bài.  - HS chữa bài và nhận xét.  - HS lắng nghe, |
| **Bài 3. Chọn giá trị của biểu thức 35 + 5 x a trong mỗi trường hợp sau.**    Lựa chọn các số ở hình tròn là giá trị thích hợp của biểu thức 35 + 5 x a ứng với a = 2, a = 5, a = 6, a = 7.  - Gọi HS đọc đề bài.  - Yêu cầu HS tự giải vào vở, 4 HS làm bài trên bảng  **Đáp án:**  - 45 là giá trị của biểu thức 35 + 5 x a với a = 2 (P = 35 + 5 x 2 = 35 + 10 = 45).  - 60 là giá trị của biểu thức 35 + 5 x a với a = 5 (P = 35 + 5 x 5 = 35 + 25 = 60).  - 65 là giá trị của biểu thức 35 + 5 x a với a = 6 (P = 35 + 5 x 6 = 35 + 30 = 65).  - 70 là giá trị của biểu thức 35 + 5 x a với a = 7 (P = 35 + 5 x 7 = 35 + 35 = 70).  - Gọi HS nhận xét.  - GV kiểm tra bài làm, nhận xét, chữa bài trên bảng.  => Củng cố cách tính giá trị biểu thức chứa chữ.  **-GV hỗ trợ HSKT** | - HS đọc yêu cầu bài toán.  - HS làm bài vào vở. 4 HS lên bảng  - HS nhận xét  - HS lắng nghe  **-HSKT tập viết các số từ 0-20** |
| **3. Vận dụng:**  - GV hỏi  - Nêu các bước giải bài toán có chứa chữ (Gồm có 4 bước)  B1: Xác định giá trị của chữ (a,b,c,x,y,z,….)xuất hiện trong biểu thức từ đề bài đã cho.  B2: Thay giá trị tương ứng của chữ số đó vào biểu thức ban đầu.  B3: Thực hiện phép tính giá trị biểu thức (nhân chia trước, cộng trừ sau, trong ngoặc trước ngoài ngoặc sau)  B4: Đưa ra kết quả và kết luận  - Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò về nhà. | - HS trả lời  - HS lắng nghe để ghi nhớ nhiệm vụ.... |

**Tiếng Việt**

**Đọc: CÔNG CHÚA VÀ NGƯỜI DẪN CHUYỆN (Tiết 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

\* Kiến thức:

- Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ câu chuyện *Công chúa và người dẫn chuyện*

- Nhận biết được đặc điểm của từng nhân vật trong câu chuyện.

- Hiểu được suy nghĩ của nhân vật thông qua lời nói, hành động của nhân vật. Hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyện: Cũng như các loài hoa, mỗi người

- Biết đọc diễn cảm phù hợp với lời của mỗi nhân vật trong câu chuyện có vẻ đẹp và giá trị riêng.

\* Năng lực: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác, tự giải quyết vấn đề và sáng tạo.

\* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: máy tính, ti vi

- HS: sgk, vở ghi

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Mở đầu:**  - GV gọi HS đọc bài *Anh em sinh đôi* nối tiếp theo đoạn. | - HS đọc nối tiếp |
| - GV gọi HS trả lời một số câu hỏi phần cuối bài.  - GV giao nhiệm vụ:  + Làm việc theo nhóm. (Sắm vai một loài hoa, em hãy giới thiệu về mình với các bạn.) GV hướng dẫn HS lựa chọn một loài hoa, tưởng tượng mình là loài hoa đó để giới thiệu trong nhóm: tên, màu sắc, vẻ đẹp, hương thơm, ích lợi,...)  + Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày trước lớp.  - HS khác nêu ý kiến:  + Trong lời giới thiệu của bạn, em muốn bổ sung điều gì?  + Em thích loài hoa nào? Vì sao?  - GV cho HS quan sát tranh minh họa bài đọc, nêu ý kiến. VD: Tranh vẽ những ai? Họ đang làm gì? Ở đâu?  - GV nhận xét ý kiến của HS, sau đó GV giới thiệu bài đọc *Công chúa và người dẫn chuyện* (VD: Quan sát tranh, theo em, mẹ và bạn nhỏ đang nói chuyện gì với nhau? Mẹ giải thích điều gì cho bạn? Hãy cùng đọc bài để biết được điều đó nhé... Hoặc từ phần Khởi động, GV nói: Mỗi loài hoa có một vẻ đẹp, hương thơm, lợi ích khác nhau, con người có giống như vậy không, chúng ta cùng tìm hiểu điều đó qua bài đọc *Công chúa và người dẫn chuyện*) | - HS trả lời  - HS thực hiện nhiệm vụ.  - Đại diện HS trinh bày  - HSTL:  - HSTL: Em thích hoa hồng/ vì nó thơm và đẹp.  - HSTL: Tranh vẽ 2 ban nhỏ đang ở vườn hoa.  - HS lắng nghe. |
| **2. Hình thành kiến thức:**  *a. Luyện đọc:*  - Bài có thể chia làm mấy đoạn?  - GV đọc diễn cảm cả bài, nhấn giọng ở những từ ngữ thể hiện tâm trạng, cảm xúc của nhân vật trong câu chuyện, VD: vui lắm, hào hứng, buồn lắm,... GV có thể mời 2 HS đọc nối tiếp các đoạn hoặc mời 3 HS đọc 1 đoạn.  - GV hướng dẫn HS đọc:  + Đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai, (VD: *Giét-xi, ngưỡng mộ, sân khấu, xấu hổ,*...).  + Cách ngắt giọng ở những câu dài, VD: Sau bữa ăn trưa, cô giáo thông báo/ *Giét-xi được chọn đóng vai công chúa trong vở kịch sắp tới.;...*  + Đọc phân biệt giọng điệu của các nhân vật trong câu chuyện.  - 3 hoặc 4 HS đọc nối tiếp bài trước lớp. Có thể chia đoạn 3 thành 2 đoạn nhỏ: từ *Thấy* *Giét-xi buồn đến Giét-xi nói;* từ *Mẹ mỉm cười* đến hết).  - HS làm việc theo cặp, mỗi HS đọc một đoạn, đọc nối tiếp đến hết bài hoặc đọc trong nhóm 4, mỗi HS đọc một đoạn.  - HS làm việc cá nhân, đọc nhẩm toàn bài một lượt.  - GV nhận xét việc đọc của cả lớp.  **3. Trả lời câu hỏi**  GV hướng dẫn HS trả lời lần lượt các câu hỏi nêu trong SHS (cuối bài đọc).  **Câu 1**. *Tìm các câu văn thể hiện thái độ của Giét-xi đối với mỗi vai diễn được giao.*  - 1 – 2 HS đọc câu hỏi trước lớp, cả lớp đọc thầm theo.  - GV nêu cách thức thực hiện:  + Làm việc nhóm: Tìm các câu văn thể hiện thái độ của Giét-xi đối với từng vai diễn. (HS có thể ghi nhanh vào vở, phiếu bài tập hoặc giấy nháp.)  + Đại diện nhóm trình bày.  - HS khác nhận xét, bổ sung.  - GV và HS thống nhất câu trả lời.  VD:  Vai công chúa:  *- Cảm nhân được ánh mắt ngưỡng mộ của bạn bè, Giét-xi vui lắm.*  *- Về nhà, Giét-xi hào hứng kể cho mẹ nghe.*  - ....  Vai người dẫn chuyện:  *- Lời cô rất dịu dàng nhưng Giét-xi thấy buồn lắm.*  *- Sao không buồn khi phải nhường vai chính cho bạn!.*  **Câu 2**. *Vì sao Giét-xi buồn khi phải đổi sang vai người dẫn chuyện?*  - GV nêu câu hỏi 2 hoặc gọi HS đọc câu 2.  - GV hướng dẫn trả lời câu hỏi.  + Bước 1: HS suy nghĩ, chuẩn bị câu trả lời.  + Bước 2: HS làm việc theo nhóm (lần lượt từng em nêu ý kiến đã chuẩn bị), sau đó trao đổi để thống nhất câu trả lời.  + Bước 3: Đại diện một số nhóm phát biểu ý kiến trước lớp.  - HS thực hiện các bước theo chỉ dẫn, một số em phát biểu trước lớp (VD: Giét-xi buồn vì nghĩ rằng vai công chúa mới là vai chính, vai quan trọng/ được đóng vai công chúa các bạn mới ngưỡng mộ vì công chúa rất xinh đẹp, còn vai người dẫn chuyện là vai phụ, không quan trọng,...).  GV khuyến khích HS nêu ý kiến riêng của cá nhân. Từng em đọc bài làm của mình trong nhóm. Các thành viên trong nhóm góp ý, nhận xét.  **Câu 3**. *Theo em, mẹ rủ Giét-xi cùng nhổ cỏ vườn để làm gì? Tìm câu trả lời đúng*.  - GV nêu cách thức thực hiện:  + Bước 1: HS làm việc cá nhân, suy nghĩ, lựa chọn câu trả lời để phát biểu trong nhóm và trước lớp.  + Bước 2: HS làm việc nhóm hoặc làm việc chung cả lớp, phát biểu ý cá nhân, trao đổi, đưa ra câu trả lời.  - GV hướng dẫn cả lớp nhận xét ý kiến nào đúng và cùng HS chốt đáp án.  **Câu 4**. *Đoán xem Giét-xi cảm thấy thế nào khi trò chuyện cùng mẹ.*  - HS suy nghĩ, nêu ý kiến cá nhân trong nhóm.  (GV có thể gợi ý bằng câu hỏi: Trong vườn, mẹ và Giét-xi đã nói gì với nhau? Theo em, khi nghe mẹ nói, Giét-xi cảm thấy thế nào? ...)  - HS suy nghĩ, tìm câu trả lời, sau đó trao đổi trong nhóm, đại diện nhóm phát biểu trước lớp.  - GV khích lệ và khen ngợi những HS đã biết nêu ý kiến thể hiện suy nghĩ của mình.  **Câu 5**. *Em học được điều gì từ câu chuyện trên?*  HS làm việc cá nhân, suy nghĩ nêu ý kiến trước lớp. (GV có thể cho HS nêu lí do vì sao em có ý kiến như vậy.  - GV nhận xét, tuyên dương  **-GV hỗ trợ HSKT**  **4. Luyện đọc lại** | - HS lắng nghe, theo dõi  - Bài chia làm 3 đoạn:  Đoạn 1: từ đầu đến *vui lắm*  Đoạn 2: tiếp theo đến *nhường vai chính cho bạn*.  Đoạn 3: còn lại  - HS đọc nối tiếp  - HS làm việc theo cặp đôi  - HS lắng nghe.  - HS đọc  - Đáp án:  **Câu 1**. Danh từ chỉ người trong bài đọc *Công chúa và người dẫn chuyện* là: công chúa, người dẫn chuyện, Giét-xi, cô giáo, mẹ, bạn bè,...  - HS làm việc nhóm.  - HS nhận xét  - HS lắng nghe.  - HS nêu câu hỏi  **Câu 2**. HS viết vào vở *2 – 3 câu nêu nhận xét về một nhân vật mà em yêu thích trong câu chuyện trên*.  - HS nhận xét, chốt đáp án  - HS thực hiện theo sự HD của GV.  (Đáp án C. *Mẹ muốn Giét-xi hiểu: Như các loài hoa, mỗi người có vẻ đẹp và giá trị riêng.*)  - HS lắng nghe  - HS nêu ý kiến.  Đáp án tham khảo: Giét-xi hiểu vai công chúa và người dẫn chuyện trong vở kịch đều quan trọng như nhau, mỗi vai có một vai trò riêng. Con người cũng như những loài hoa, mỗi người có một vẻ đẹp và giá trị riêng. (Người đóng vai công chúa thể hiện lời nói, hành động của công chúa. Còn người đóng vai người dẫn chuyện có vai trò thông báo thông tin về thời gian, không gian, địa điểm, thậm chí cả về hoàn cảnh sống của nhân vật, kể về những gì đã xảy ra trong quá khứ hoặc ở bên ngoài sân khấu mà khán giả không trực tiếp nhìn thấy,...). Giét-xi sẽ cảm thấy không buồn nữa...  VD: Qua câu chuyện, em học được vai diễn nào cũng quan trọng và góp phần làm nên thành công cho vở kịch, vì mỗi vai có một vai trò riêng.; Em học được bài học phải ý thức được và biết trân trọng giá trị của mình vì mỗi người đều có vẻ đẹp và những điều đáng quý;...)  - HS lắng nghe.  **- HS KT luyện đọc câu văn theo HD của GV** |
| - GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm câu chuyện. | - HS đọc  - HS đọc nối tiếp |
| - HS làm việc chung cả lớp (3 hoặc 4 HS đọc nối tiếp các đoạn trước lớp); GV và cả lớp góp ý cách đọc diễn cảm. | - HS thực hiện |
| - HS đọc theo nhóm bốn, phân vai đọc câu chuyện, góp ý trong nhóm. | - HS thực hiện |
| **4. Vận dụng, trải nghiệm:** |  |
| - HS đọc yêu cầu trong SHS và hự thực hiện yêu cầu.  - Sau thời gian làm bài, GV có thể cho HS trình bày trước lớp hoặc kiểm soát kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS và nhận xét trước lớp.  - GV yêu cầu HS đọc bài làm của mình  - GV cho HS nhận xét.  - GV nhận xét, tuyên dương | - Đáp án;  Câu 1. Danh từ chỉ người trong bài đọc *Công chúa và người dẫn chuyện là:* công chúa, người dẫn chuyện, Giét-xi, cô giáo, mẹ, bạn bè,…  Câu 2. HS viết vào vở 2 -3 câu nêu nhận xét về một nhân vật mà em yêu thích trong câu chuyện trên. GV khuyến khích HS nêu ý kiến riêng của cá nhân.  - HS đọc  - HS nhận xét.  - HS lắng nghe. |
| - Nhận xét tiết học. |  |

**Tiếng Việt**

**Đọc: CÔNG CHÚA VÀ NGƯỜI DẪN CHUYỆN (Tiết 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.**

***1. Năng lực đặc thù:***

- Phát triển năng lực ngôn ngữ.

- Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống: Biết trân trọng vẻ đẹp và giá trị của những người xung quanh; đánh giá, nhận xét, bày tỏ ý kiến về vẻ đẹp của mỗi người.

***2. Năng lực chung.***

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực tập đọc, cố gắng luyện đọc đúng, luyện đọc diễn cảm tốt.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kĩ năng tìm hiểu ý nghĩa nội dung bài đọc và vận dụng vào thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trả lời các câu hỏi và hoạt động nhóm.

***3. Phẩm chất.***

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài văn, ý thức được và biết trân trọng giá trị của mình vì mỗi người đều có vẻ đẹp và những điều đáng quý.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác luyện đọc, trả lời các câu hỏi.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | |
| **1. Khởi động:** | | |
| - GV hướng dẫn HS lựa chọn một loài hoa, tưởng tượng mình là loài hoa đó để giới thiệu trong nhóm: tên, màu sắc, vẻ đẹp, hương thơm, ích lợi,.... (Làm việc nhóm đôi)  + Đại diện nhóm trình bày trước lớp.  - Trong lời giới thiệu của bạn, em muốn bổ sung điều gì?  - Em thích loài hoa nào? Vì sao?  - GV yêu cầu HS quan sát tranh minh họa trả lời câu hỏi: Tranh vẽ những ai? Họ đang làm gì? Ở đâu?  - GV nhận xét, tuyên dương.  - GV: Mỗi loài hoa có một vẻ đẹp, hương thơm, lợi ích khác nhau, con người có giống như vậy không, chúng ta cùng tìm hiểu điều đó qua bài tập đọc *Công chúa và người dẫn chuyện* nhé! | - HS Làm việc theo nhóm đôi.  + 3 nhóm trình bày trước lớp. Nhóm khác nhận xét.  + HS trả lời.  + HS trả lời.  - Tranh vẽ mẹ và bạn nhỏ đang nói chuyện với nhau,....  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.  - Học sinh lắng nghe. | |
| **2. Khám phá.** | | |
| **3. Luyện tập theo văn bản.**  1. GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 1: Tìm các danh từ chỉ người trong bài đọc *Công chúa và người dẫn chuyện.*  - Mời học sinh làm việc nhóm 4.  - Mời đại diện các nhóm trình bày.  - Mời các nhóm khác nhận xét.  - GV nhận xét chung, tuyên dương.  2. GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 2: Viết 2 – 3 câu nêu nhận xét về một nhân vật mà em yêu thích trong câu chuyện trên.  - GV mời cả lớp làm việc cá nhân, viết bài vào vở.  - Mời một số HS trình bày kết quả (hoặc thu vở chấm một số em)  - GV nhận xét, tuyên dương  **- GV theo dõi hướng dẫn HSKT** | | - 1 HS đọc yêu cầu bài 1.  - Các nhóm tiến hành thảo luận.  Các danh từ chỉ người trong bài đọc *Công chúa và người dẫn chuyện* là: công chúa, người dẫn chuyện, Giét – xi, cô giáo, mẹ, bạn bè,…  - Đại diện các nhóm trình bày.  - Các nhóm khác nhận xét.  - Lắng nghe, rút kinh nghiệm.  - 1 HS đọc yêu cầu bài 2.  - Cả lớp làm việc cá nhân, viết bài vào vở.  Trong câu chuyện Công chúa và người dẫn chuyện, em thích nhất là nhân vật mẹ của Giét – xi. Người mẹ hiền từ và luôn giúp đỡ, động viên con gái mình, khiến Giét – xi nhận ra: *Mỗi người có vẻ đẹp và giá trị riêng của mình.*  - Lắng nghe, rút kinh nghiệm.  **- HSKT tập đặt câu theo HD của GV** |
| **4. Vận dụng trải nghiệm.** | | |
| - GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi, hái hoa,...sau bài học để học sinh thi đọc diễn cảm bài văn.  - Nhận xét, tuyên dương.  - GV nhận xét tiết dạy.  - Dặn dò bài về nhà. | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  - Một số HS tham gia thi đọc thuộc lòng. | |

**Thứ 5 ngày 19 tháng 9 năm 2024**

**Toán**

**Bài 4: BIỂU THỨC CHỨA CHỮ (Tiết 2)**

**Luyện tập – Trang 16**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

\* Năng lực đặc thù:

- Nhận biết được biểu thức chứa hai chữ và tính được giá trị của biểu thức chứa hai chữ.

- Vận dụng giải bài toán tính chu vi hình chữ nhật và các bài toán liên quan khác.

\* Năng lực chung: Năng lực tư duy, lập luận toán học, giải quyết vấn đề, giao tiếp hợp tác.

\* Phẩm chất: Chăm chỉ, ham học, có tinh thần tự học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Phấn màu, máy chiếu, bài giảng điện tử

**III. Các hoạt động dạy - học CHỦ YẾU.**

| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| --- | --- |
| **1. Khởi động**  - GV tổ chức cho HS hát tập thể.  - GV cho HS chơi trò chơi.  Câu 1. Biểu thức nào có chứa một chữ?  A. 30 + 15  B. a + 15  C. 135 : 5  => Đáp án: B  Câu 2. Giá trị của biểu thức a + 16 với a = 20 là:  A. 35 B. 20 C. 5  => Đáp án: A  Câu 3. Với n = 10 thì giá trị của biểu thức n x 5 + 24 là:  A. 50 B. 34 C. 74  => Đáp án: C  Câu 4. Biểu thức khác với các biểu thức còn lại là:  A. m : 9  B. a + b  C. Y – 75  => Đáp án: B  - GV nhận xét, đánh giá.  - GV dẫn dắt vào bài mới bằng câu 4.  - GV giới thiệu vào bài. | - Lớp hát tập thể  - HS hoàn thàn bài.  - HS nhận xét.  - HS lắng nghe  - HS viết tên bài |
| **2. Luyện tập** |  |
| **Bài 1. Số ?**  **Chu vi A của hình chữ nhật có chiều dài a, chiều rộng b (cùng đơn vị đo) được tính theo công thức:**    Hãy tính chu vi hình chữ nhật theo kích thước như bảng sau:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Chiều dài (cm) | Chiều rộng (cm) | Chu vi hình chữ nhật (cm) | | 10 | 7 | 34 | | 25 | 16 | ? | | 34 | 28 | ? |   - GV HD HS.  Tính chu vi hình chữ nhật dựa vào công thức tính chu vi hình chữ nhật P = (a + b) x 2 (như là tính giá trị biểu thức chứa hai chữ)  - Với a = 25 cm, b = 16 cm.  - Với a = 34 cm, B = 28 cm.  - GV yêu cầu HS tính ra nháp  - GV cho HS trình bày và nhận xét  **Đáp án:**  - Với a = 25 cm, b = 16 cm.  Chu vi hình chữ nhật là:  (25 + 16) x 2 = 82 (cm).  - Với a = 34 cm, B = 28 cm.  Chu vi hình chữ nhật là:  (34 + 28) x 2 = 124 (cm).  - GV nhận xét, chốt kết luận  => Củng cố: Cách tính giá trị biểu thức chứa hai chữ dựa vào công thức tính chu vi hình chữ nhật. | - HS lắng nghe.  - HS thực hiện  - HS trình bày bài  - HS nhận xét,  - HS lắng nghe. |
| **Bài 2.**  **a) Tính giá trị của biểu thức a + b x 2 với a = 8, b = 2.**  **b) Tính giá trị của biêu thức**  - GV gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  a) a + b x 2  b) (a + b) : 2  - GV hỏi: Các biểu thức trong bài 2 là biểu thức gì? (Biểu thức có chứa hai chữ)  **Đáp án:**  - Với a = 539, b = 243, ta có:  a + b x 2 = 8 + 2 x 2  = 8 + 4  = 12  - Với a = 15, b = 27, ta có  (a + b) : 2 = (15 + 27) : 2  = 32 : 2  = 16  - GV cho HS làm bài vào vở.  - Đổi vở soát theo nhóm bàn trình bày kết quả, nhận xét lẫn nhau.  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV hỏi: Nêu cách tính giá trị biểu thức có chứa hai chữ (Ta thay giá trì của các chữ vào biểu thức rồi tính) | - HS đọc yêu cầu bài toán.  - HS trả lời  - HS làm bài vào vở.  - HS đổi vở kiểm tra chéo  - HS nhận xét  - HS lắng nghe  - HS trả lời |
| **Bài 3. Quãng đường ABCD gồm ba đoạn như hình vẽ dưới đây.**    **Hãy tính độ dài quãng đường ABCD với:**  **a) m = 4 km, n = 7 km**  **b) m = 5 km, n = 9 km.**  - Gọi HS đọc đề bài  - GV hướng dẫn phân tích đề toán  Tính độ dài quãng đường ABCD (tính độ dài đường gấp khúc).  + Bài toán cho biết gì? ( Độ dài quãng đường ABCD có giá trị biểu thức m + 6 + n với a) m = 4, n = 7 và b) m = 5, n = 9.)  + Bài toán hỏi gì? (Hỏi quãng đường ABCD dài bao nhiêu km?)  - GV gọi 1 HS lên bảng làm bài. HS dưới lớp làm bài vào vở.  - GV mời các HS khác nhận xét bài trên bảng.  **Bài giải**  a) Độ dài quãng đường ABCD là:  4 + 6 + 7 = 17 (km)  b) Độ dài quãng đường ABCD là:  5 + 6 + 9 = 20 (km)  - GV nhận xét chung, tuyên dương  - GV hỏi  - Nêu cách làm bài toán (cần tìm xem quãng đường ABCD dài bao nhiêu km) | - HS đọc yêu cầu bài toán.  - HS trả lời  - 1 HS lên bảng làm bài  - HS nhận xét  - HS lắng nghe  - HS trả lời |
| **Bài 4.**  **a) Tính giá trị của biểu thức**  **12 : (3 – m) với m = 0; m = 1; m = 2.**  **b) Trong ba giá trị của biểu thức tìm được ở câu a, với m bằng bao nhiêu thì biểu thức 12 : (3 – m) có giá trị lớn nhất?**  - GV cho HS đọc đề bài.  - GV HD HS làm từng câu.  **Đáp án:**  - Với m = 0, giá trị của biểu thức  12 : (3 – m) = 12 : (3 – 0)  = 12 : 3  = 4  - Với m = 1, giá trị của biểu thức  12 : (3 – m) = 12 : (3 – 1)  = 12 : 2  = 6  - Với m = 2, giá trị của biểu thức  12 : (3 – m) = 12 : (3 – 2)  = 12 : 1  = 12  b) Với giá trị nào của a thì biểu thức 12 : (3 – m) có giá trị lớn nhất?  **Đáp án:**  - Cách 1:  Nhận xét: 3 – a khác 0, a không thể là 3, a bé hơn 3 để 3 trừ được cho a.  Vậy a chỉ có thể là a = 0, a = 1, a = 2.  + Với a = 0 thì 12 : (3 – a) = 12 : (3 – 0) = 4  + Với a = 1 thì 12 : (3 – a) = 12 : (3 – 1) = 6  + Với a = 2 thì 12 : (3 – a) = 12 : (3 – 2) = 12  Mà 12 > 6 > 4, vậy với a = 2 thì biểu thức 12 : (3 – a) có giá trị lớn nhất.  - Cách 2:  Nhận xét: Trong phép chia 12 : (3 – a), số bị chia 12 không đổi, số chia (3 – a) càng bé thì thương càng lớn. Do đó thương của 12 chia cho (3 – a) lớn nhất khi (3 – a) bé nhất có thể, khi đó 3 – a = 1 hay a = 2. Vậy với a = 2 thì biểu thức 12 : (3 – a) có giá trị lớn nhất.  - GV cho HS trình bày và nhận xét bài lẫn nhau.  - GV chốt, nhận xét, tuyên dương nhóm làm đúng.  **-GV hỗ trợ HSKT đọc, viết STN từ 0-20** | - HS đọc đề bài.  - HS lắng nghe  - HS làm việc nhóm 4  - HS trình bày bài.  - HS nhận xét bài.  - HS lắng nghe. |
| **3. Vận dụng:**  - GV cho HS nêu các bước giải bài toán có chứa hai chữ (Gồm có 4 bước)  B1: Xác định giá trị của hai chữ xuất hiện trong biểu thức từ đề bài đã cho.  B2: Thay giá trị tương ứng của hai chữ đó vào biểu thức ban đầu.  B3: Thực hiện phép tính giá trị biểu thức.  B4: Đưa ra kết quả và kết luận.  - Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò về nhà. | - HS trả lời  - HS lắng nghe để ghi nhớ nhiệm vụ.... |

**Tiếng Việt:**

**Viết: VIẾT ĐOẠN VĂN NÊU Ý KIẾN.**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.**

***1. Năng lực đặc thù:***

- Viết được cách viết đoạn văn nêu ý kiến (nêu lý do vì sao mình thích câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe).

- Phát triển năng lực ngôn ngữ.

- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn: Biết sử dụng câu văn đúng, hay và phù hợp với hoàn cảnh để nêu ý kiến về vẻ đẹp của mỗi người.

***2. Năng lực chung.***

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kĩ năng tìm hiểu đặc điểm và câu chủ đề trong đoạn văn, vận dụng bài đọc vào thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

***3. Phẩm chất.***

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài học, biết lắng nghe ý kiến của bạn nêu để xem xét và thống nhất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | |
| **1. Khởi động:** | | |
| - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.  Gọi 4 HS bất kì trình bày bức tranh giới thiệu bản thân đã làm ở nhà.  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới. | - HS tham gia trò chơi  + Trả lời….  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.  - Học sinh lắng nghe. | |
| **2. Hoạt động.** | | |
| Đề bài: Viết đoạn văn nêu lí do thích một câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe.  1. Dựa vào các ý đã tìm trong hoạt động Viết ở bài 3, viết đoạn văn nêu lí do yêu thích một câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe.  - GV gọi HS đọc đề bài, xác định yêu cầu trọng tâm.  - GV hướng dẫn HS suy nghĩ, chuẩn bị ý kiến rồi trao đổi theo nhóm 4.  - GV gọi đại diện 3 nhóm nêu ý kiến.  - GV hướng dẫn HS đọc phần lưu ý.  *Lưu ý:*  *+ Chọn cách giới thiệu câu chuyện gây được chú ý và nêu nhận xét, đánh giá chung về câu chuyện.*  *+ Trình bày rõ các lí do yêu thích câu chuyện và đưa dẫn chúng minh họa.*  *+ Các câu trong đoạn văn được viết liên tục, không xuống dòng.*  **2. Đọc soát và chỉnh sửa bài viết.**  - GV hướng dẫn HS cách đọc soát bài viết theo những tiêu chí trong SGK.    - GV nhận xét, tuyên dương.  - **GV theo dõi hỗ trợ HSKT** | | - 1 HS đọc đề bài.  - HS trao đổi theo nhóm 4.  - Đại diện nhóm nêu ý kiến. Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét.  - 1 HS đọc phần lưu ý.  *Ngay từ ngày bé, em đã được nghe mẹ kể câu chuyện Bó đũa. Đó là câu chuyện em thích nhất về tình cảm gia đình. Câu chuyện kể về một người cha đã dạy cho các con của mình biết hòa thuận, yêu thương lẫn nhau. Bằng bài học về chiếc đũa, người cha đã khuyên các con rằng: “Chia lẻ ra thì yếu, hợp lại thì mạnh. Thế nên anh em trong nhà phải biết yêu thương, đùm bọc và đoàn kết với nhau.” Chính những lời dạy ấy đã mang đến cho các con những bài học quý giá trong cuộc sống, về sự đoàn kết sẽ làm được mọi thứ, bài học biết chia sẻ và yêu thương lẫn nhau. Nhân vật người cha đóng vai trò quan trọng trong cả câu chuyện. Nhờ có nhân vật này mà tình cảm của các con đã được gắn kết. Em còn đặc biệt thích chi tiết “người cha thong thả bẻ gãy từng chiếc một cách dễ dàng”. Chi tiết này thể hiện rõ sự thất bại, yếu đuối khi chỉ đơn lẻ một mình. Dù được nghe đã lâu nhưng câu chuyện vẫn luôn có dấu ấn khó phai trong lòng em.*  - HS soát bài viết theo các tiêu chí:  - Cách mở đoạn: *Ngay từ ngày bé, em đã được nghe mẹ kể câu chuyện Bó đũa. Đó là câu chuyện em thích nhất về tình cảm gia đình.*  - Cách trình bày lí do:  + Nội dung: *Câu chuyện kể về một người cha đã dạy cho các con của mình biết hòa thuận, yêu thương lẫn nhau. Bằng bài học về chiếc đũa, người cha đã khuyên các con rằng: “Chia lẻ ra thì yếu, hợp lại thì mạnh. Thế nên anh em trong nhà phải biết yêu thương, đùm bọc và đoàn kết với nhau.” Chính những lời dạy ấy đã mang đến cho các con những bài học quý giá trong cuộc sống, về sự đoàn kết sẽ làm được mọi thứ, bài học biết chia sẻ và yêu thương lẫn nhau.*  + Nhân vật: *Nhân vật người cha đóng vai trò quan trọng trong cả câu chuyện. Nhờ có nhân vật này mà tình cảm của các con đã được gắn kết.*  + Chi tiết: *Em còn đặc biệt thích chi tiết “người cha thong thả bẻ gãy từng chiếc một cách dễ dàng”. Chi tiết này thể hiện rõ sự thất bại, yếu đuối khi chỉ đơn lẻ một mình.*  - Cách kết thúc: *Dù được nghe đã lâu nhưng câu chuyện vẫn luôn có dấu ấn khó*  *phai trong lòng em.*  - Cách dùng từ, đặt câu: hợp lí, rõ ràng.  - Cách thức trình bày đoạn văn: Các câu trong đoạn văn được viết liên tục, không xuống dòng.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.  -**HSKT tập đặt câu theo HD của GV** |
| **3. Vận dụng trải nghiệm.** | | |
| - GV tổ chức vận dụng bằng trò chơi “Ai là người sáng tạo”.  + GV chuẩn bị một câu chuyện ngắn. Yêu cầu các nhóm đọc và viết ý kiến của nhóm mình về câu chuyện đó (nêu ý kiến thích hoặc không thích, vì sao)  + Chia lớp nhiều nhóm (tùy số lượng HS)  + Mời các nhóm trình bày.  - GV nhận xét tiết dạy.  - Dặn dò bài về nhà. | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  - Các nhóm tham vận dụng.  - Cả lớp làm trọng tài: Nhận xét nhóm nào viết đúng, hay sẽ được chọn giải nhất, nhì , ba,…  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. | |

**Hoạt động trải nghiệm:**

**NHỮNG VIỆC LÀM ĐÁNG TỰ HÀO CỦA EM**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

\* Năng lực đặc thù:

- HS xác định và giới thiệu được những việc làm đáng tự hào của bản thân.

- HS biết đề xuất những việc cần làm để phát huy niềm tự hào của bản thân.

\* Năng lực chung: giao tiếp và hợp tác, tự giải quyết vấn đề và sáng tạo, tự chủ và tự học.

\* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- GV: máy tính, ti vi, giấy A3,A4

- HS: bút màu

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Khởi động:**  - GV tổ chức cho HS chơi trò chơi ***Nối tiếp***  - GV chia lớp thành 2 nhóm và nêu luật chơi: *Mỗi nhóm hãy nghe GV đọc một bài thơ, nhóm 1 là màu đỏ, nhóm 2 là màu xanh và điền từ còn thiếu vào chỗ trống.*  - GV đọc bài và yêu cầu HS ghi nhớ:  *Gà trống khoe giọng gáy*  *“Ò ó ò ó o…”*  *Mèo mun khoe vuốt sắc*  *Họ nhà chuột ngồi lo!*  *Gầu trắng khoe ngủ giỏi*  *Cho mùa đông qua nhanh!*  *Hạt mầm khoe mau lớn*  *Cho cuộc đời mãi xanh…*  *Chó khoe canh nhà giỏi*  *“Gầu gấu gầu gấu gâu!”*  *Lạc đà siêu chịu khát*  *Đi trong cát rất lâu…*  *Chuột túi khoe nhảy khỏe*  *Hươu cao cổ nhìn xa*  *Phù thủy khoe bùa chú*  *Chẳng bao giờ sợ ma!*  *Còn em biết rửa bát?*  *Hay làm toán rất tài?*  *Khi đi chợ cùng mẹ*  *Chẳng bao giờ tính sai?*  *Thụy Anh* | - HS tích cực tham gia trò chơi.  - HS lắng nghe luật chơi. |
| - Sau khi đọc xong bài thơ, GV yêu cầu HS tham gia trò chơi vừa để luyện trí nhớ vừa để tìm ra điểm đáng tự hào của các sự vật trong bài thơ.  - GV phát cho mỗi nhóm 1 tờ giấy A3 để tham gia trò chơi:   |  |  | | --- | --- | | ***Màu đỏ*** | ***Màu xanh*** | | *1. Gà trống khoe …*  *3. Gấu trắng khoe…*  *5. Chó khoe …*  *7. Chuột túi khoe …*  *9. Phù thủy khoe…* | *2. Mèo mun khoe …*  *4. Hạt mầm khoe …*  *6. Lạc đà khoe ……*  *8. Hươu cao cổ khoe*  *10. Em khoe …* |   - GV gọi đại diện 2 nhóm chia sẻ trước lớp, các nhóm khác nhận xét. | - HS tham gia trò chơi.  - HS quan sát yêu cầu.  - HS chia sẻ:   |  |  | | --- | --- | | ***Màu đỏ*** | ***Màu xanh*** | | *1. Gà trống khoe gáy giỏi.*  *3. Gấu trắng khoe ngủ giỏi.*  *5. Chó khoe canh nhà giỏi.*  *7. Chuột túi khoe nhảy khỏe.*  *9. Phù thủy khoe làm phép giỏi.* | *2. Mèo mun khoe bắt chuột giỏi.*  *4. Hạt mầm khoe mau lớn.*  *6. Lạc đà khoe chịu khát giỏi.*  *8. Hươu cao cổ khoe nhìn xa.*  *10. Em khoe biết rửa bát, làm toán.* | |
| - GV tổng kết phần chia sẻ của HS, giới thiệu – ghi bài. | - HS lắng nghe.  **-HSKT tham gia tìm hiểu bài cùng bạn** |
| **2. Khám phá chủ đề: Giới thiệu những việc làm đáng tự hào của bản thân** |  |
| - GV yêu cầu HS đọc nhiệm vụ – SGK tr.8 cho cả lớp nghe và kiểm tra việc hiểu nhiệm vụ của HS.  - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân và thực hiện nhiệm vụ: *Em hãy nhớ lại những việc đáng tự hào của em và liệt kê vào trong vở.* | - HS đọc hiểu nhiệm vụ.  - HS lắng nghe yêu cầu. |
| - GV gợi ý: *Những việc làm đáng tự hào có thể là:*  *+ Những việc làm em thành công.*  *+ Những việc làm thể hiện sự tiến bộ.*  *+ Những việc tốt – giúp đỡ mọi người.* | - HS lắng nghe gợi ý. |
| - GV chọn một bạn làm quản trò dựa trên tinh thần xung phong. | - Quản trò dẫn dắt trò chơi  - Cả lớp cùng chơi 2 – 3 lượt với 2 – 3 quản trò khác nhau. |
| - GV mời 2 – 3 bạn nêu những việc làm đáng tự hào của mình. Các bạn khác nhận xét, bổ sung. | - HS trả lời:  ***Gợi ý:***  *+ Những việc làm em thành công: thực hiện các hoạt động theo thời gian biểu, tổ hức tiệc chúc mừng sinh nhật mẹ, tự tay làm một món quà tặng sinh nhật chị gái, vẽ một bức tranh tặng bà,…*  *+ Những việc làm thể hiện sự tiến bộ: kết quả học tập môn Tiếng Việt đã tiến bộ hơn, phát âm tiếng Anh tốt hơn trước, giải các bài toán nhanh hơn, đạt giải cao trong cuộc thi vẽ tranh, viết chữ đẹp hơn,…*  *+ Những việc tốt – giúp đỡ mọi người: giảng bài cho bạn, nhường đồ chơi cho em bé, giúp bà cụ sang đường, giúp đỡ một em bé đi lạc tìm mẹ, nhặt rác để môi trường xanh – sạch – đẹp hơn, giúp đỡ chú chó, mèo hoang bị bỏ rơi,…* |
| - GV phát cho mỗi HS một tờ A4 và yêu cầu: *Em hãy ghi chép hoặc vẽ lại những việc làm đó dưới một hình thức mà em thích.*  *­*- GV gợi ý: *Trình bày theo sơ đồ cây, sơ đồ tư duy, vẽ hình cây, kẻ bảng,…* | - HS lắng nghe yêu cầu.  - HS lắng nghe gợi ý. |
| - GV yêu cầu HS hoạt động nhóm đôi và chia sẻ: *Em hãy chia sẻ với bạn về những việc làm đáng tự hào của em.*  - GV gọi 4 – 5 cá nhân chia sẻ những việc làm đáng tự hào của mình trước lớp. Các bạn ngồi dưới có thể đặt câu hỏi. | - HS chia sẻ trước lớp:  ***Gợi ý:***    - HS vỗ tay. |
| - GV nhận xét chung và chúc mừng HS đã nhận ra được những việc làm đáng tự hào của mình.  - GV kết luận: *Mỗi người chúng ta đều có thể thực hiện được những việc làm đáng tự hào của bản thân trong cuộc sống hằng ngày. Qua những việc làm đó, chúng ta sẽ nhận ra sự tiến bộ của bản thân để phát huy những việc làm đáng tự hào của mình hơn nữa.* | - HS lắng nghe và ghi nhớ. |
| **3. Mở rộng và tổng kết chủ đề: Phát huy những điểm đáng tự hào của bản thân** |  |
| - GV yêu cầu HS đọc nhiệm vụ – SGK tr.8 cho cả lớp nghe và kiểm tra việc hiểu nhiệm vụ.  - GV nêu vấn đề: *Mỗi người chúng ta đều có những đặc điểm, những việc làm đáng tự hào. Các em có muốn niềm tự hào của chúng ta được phát huy hơn không? Muốn vậy chúng ta cần phải làm gì?*  - GV yêu cầu HS: *Em hãy nêu những dự định về những việc cần làm để phát huy niềm tự hào của bản thân.* | - HS đọc hiểu nhiệm vụ.  - HS lắng nghe câu hỏi.  - HS lắng nghe yêu cầu. |
| - GV hướng dẫn: *Các em cần ghi những việc cần làm vào bảng theo mẫu sau:*    - GV lấy ví dụ minh họa:    - GV yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ vào vở. | - HS lắng nghe hướng dẫn và quan sát mẫu.  - HS quan sát ví dụ.  - HS thực hiện. |
| - GV yêu cầu HS hoạt động nhóm đôi và chia sẻ: *Em hãy chia sẻ với bạn về dự kiến để phát huy niềm tự hào cảu bản thân.*  - GV mời 4 – 5 nhóm lên bảng trình bày. | - HS trình bày:  ***Gợi ý:*** |
| - GV nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu có).  - GV kết luận: *Để bản thân ngày càng tốt hơn, đáng yêu hơn trong mắt mọi người, chúng ta cần không ngừng phát huy niềm tự hào của bản thân bằng những việc làm phù hợp.* | - HS lắng nghe, ghi nhớ  **-HSKT tham gia tìm hiểu bài cùng bạn** |
| **4. Cam kết hành động:** |  |
| - GV nhắc nhở HS:  + Ôn lại các kiến thức đã học hôm nay.  + Thực hiện dự định để phát huy niềm tự hào của bản thân, ghi lại kết quả, cảm xúc khi thực hiện và chia sẻ trong tiết Sinh hoạt lớp. | - HS lắng nghe thực hiện |
| - Nhận xét giờ học. |  |

**Đạo đức:**

**Bài 1: BIẾT ƠN NGUỜI LAO ĐỘNG (T2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Biết được vì sao phải biết ơn người lao động.

- Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn qua việc thể hiện được lòng biết ơn người lao động bằng lời nói, việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi. Nhắc nhở bạn bè, người thân có hành vi, thái độ biết ơn những người lao động.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự chủ tự học, tự điều chỉnh hành vi, thái độ lời nói và việc làm biết ơn người lao động.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết tìm hiểu và tham gia những hoạt động thể hiện lòng biết ơn người lao động phù hợp với bản thân.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi, góp ý cùng bạn trong hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Yêu mến, kính trọng, biết ơn người lao động.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có tinh thần chăm chỉ rèn luyện để nắm vững nội dung yêu cầu cần đạt của bài học.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | |
| **1. Khởi động:** | | |
| - GV tổ chức trò chơi “ai nhanh, ai đúng” để khởi động bài học.  + GV đưa ra 4 bức tranh và yêu cầu HS tham gia trò chơi bằng cách quan sát tranh và xác định công việc và đóng góp cho xã hội.  + Tranh 1: Tranh chú thợ điện.  + Tranh 2: Tranh người đánh cá trên biển.  + Tranh 3: Tranh thợ sửa chữa xe máy.  + Tranh 4: Tranh người bán hàng  - GV nhận xét, tuyên dương và dẫn dắt vào bài mới. | | - HS lắng nghe luật chơi.  - HS tham gia chơi bằng cách xung phong.  + Tranh 1: làm nghề sửa chữa và cung cấp điện thắp sáng. Giúp mọi người có điện để dùng sinh hoạt và lao động.  + Tranh 2: Các ngư dân đánh cá, góp phần cung cấp thực phẩm hải sản cho mọi người.  + Tranh 3: Sửa chữa xe máy, giúp mọi người có phương tiện đi lại.  + Tranh 4: Buôn bán hàng hóa, giúp mọi người có hàng hóa tiêu dùng trong cuộc sống.  - HS lắng nghe. |
| **2. Hoạt động khám phá:**  **-** Mục tiêu: Biết được vì sao phải biết ơn người lao động.  **-** Cách tiến hành: | | |
| **Hoạt động 1: Khám phá vì sao phải biết ơn người lao động. (Sinh hoạt nhóm 2)**  - GV yêu cầu HS đọc yêu cầu bài.  - GV mời HS sinh hoạt nhóm 2, cùng nhau quan sát tranh, thảo luận và đưa ra ý kiến vì sao phải biết ơn người lao động.    - GV mời các nhóm trình bày trình bày, các nhóm khác lắng nghe, nhận xét và góp ý.  - GV nhận xét, tuyên dương và kết luận: | | - 1 HS đọc yêu cầu bài.  - HS sinh hoạt nhóm 2, cùng nhau quan sát tranh và đưa ra ý kiến vì sao phải biết ơn người lao động.  - Các nhóm trình bày về hình ảnh và giả thích vì sao phải biết ơn người lao động theo suy nghĩ của mình.  - Các nhóm trình bày trình bày, các nhóm khác lắng nghe, nhận xét và góp ý.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. |
| **2. Luyện tập – Thực hành.** | | |
| **Hoạt động 2: Vì sao phải biết ơn người lao động. (Sinh hoạt nhóm 4)**  - GV yêu cầu HS đọc yêu cầu bài.  - GV mời HS sinh hoạt nhóm 4, cùng nhau thảo luận và trả lời một số câu hỏi sau ssể hiểu vì sao phải biết ơn người lao động.  + Những sản phẩm đó càn thiết cho cuộc sống chúng ta như thế nào?  + Nêu nhận biết của em về công sức của người lao động.  - GV mời các nhóm trình bày trình bày, các nhóm khác lắng nghe, nhận xét và góp ý.  - GV nhận xét, tuyên dương và kết luận:  *Trong cuộc sống, chúng ta cần có những sản phẩm như lương thực, thực phẩm và những đồ dùng càn thiết khác do người lao động tạo ra. Chúng ta cần có nnhững sản phẩm đáp ứng nhu cầu vật chất và tinh thần. Vì vậy chúng ta cần biết ơn người lao động.*  **-GV theo dõi HD HSKT** | | - 1 HS đọc yêu cầu bài.  - HS sinh hoạt nhóm 4, cùng nhau thảo luận và trả lời một số câu hỏi sau ssể hiểu vì sao phải biết ơn người lao động.  + Những sản phẩm đó rất cần thiết cho cuộc sống chúng ta vì giúp chúng ta sống, sinh hoạt hằng ngày.  + Để có được những sản phẩm màn đén cho mọi người dùng thì người lao động rất vả, khổ cực để làm ra những sản phẩm đó.  - Các nhóm trình bày thêm về hình ảnh và giả thích vì sao phải biết ơn người lao động theo suy nghic của mình.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.  -**HSKT tham gia các HĐ học tập cùng bạn** |
| **4. Vận dụng trải nghiệm.** | | |
| - GV yêu cầu HS về nhà tìm hiểu thêm một số sản phẩm, dụng cụ, của gia do những người lao động làm nghề gì để có được.  (Ví dụ: cuốc, xẻng, dao, rựa,… do người thợ rèn làm ra)  - GV nhận xét tiết học.  - Dặn dò về nhà. | - HS lắng nghe GV giao nhiệm vụ để về nhà tìm hiểu thêm về những sản phẩm do người lao động là ra để biết ơn họ.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. | |

**Lịch sử & Địa lí**

**Bài 2: THIÊN NHIÊN VÀ CON NGƯỜI ĐỊA PHƯƠNG EM (T2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Trình bày được một số hoạt động kinh tế ở địa phương.

- Thể hiện được tình cảm với địa phương và sẵn sàng hành động bảo vệ môi trường xung quanh.

- Rèn luyện kĩ năng quan sát và sử dụng bản đồ, các tư liệu có liên quan, qua đó góp phần phát triển năng lực khoa học.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Thực hiện tốt và có sáng tạo trong thực hiện các hoạt động của môn Lịch sử và địa lí.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi, góp ý cùng bạn trong hoạt động nhóm và thực hành.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Bồi dưỡng lòng nhân ái, cảm thông và sẵn sàng có hành động chia sẻ với người dân lao động.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có tinh thần chăm chỉ, ham học hỏi trong tìm hiểu về Lịch sử và Địa lí.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm bảo vệ môi trường.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | |
| **1. Khởi động:** | | |
| - GV cho cả lớp cùng nghe đoạn nhạc “ Quảng Ngãi trong tôi” để khởi động bài học.  - Đoạn nhạc trên nhắc đến những địa danh nào ở địa phương em?  - GV nhận xét, tuyên dương và dẫn dắt vào bài mới. | | - HS nghe đoạn nhạc và trả lời câu hỏi.  - Huyện ...  - HS lắng nghe. |
| **2. Khám phá***:* | | |
| **Hoạt động 1: Tìm hiểu về vị hoạt động kinh tế và bảo vệ môi trường ở địa phương em (làm việc chung cả lớp)**  ***\* Tìm hiểu về hoạt động kinh tế:***  - GV giới thiệu lược đồ tự nhiên kết hợp tài liệu giáo dục địa phương.  - GV nêu câu hỏi:  + Kể tên các hoạt động nông nghiệp của tỉnh Quảng Ngãi  + Kể tên các hoạt động công nghiệp của tỉnh Quảng Ngãi  + Kể tên các hoạt động dịch vụ của tỉnh Quảng Ngãi    - GV nhận xét, tuyên dương.  **\* Tìm hiểu về bảo vệ môi trường.**  - GV mời HS sinh hoạt theo nhóm 2, thảo luận và thực hiện 2 nhiệm vụ:  + Cho biết hiện trạng môi trường: đất , không khí, nước ở tỉnh Quảng Ngãi  + Hành động bảo vệ môi trường của bản thân và gia đình?  - GV nhận xét và tuyên dương*.* | | - HS quan sát bản đồ và đọc phần chú giải của bản đồ.  - HS làm việc chung cả lớp, quan sát bản đồ và trả lời câu hỏi  + Nông nghiệp:(Nông-Lâm-Ngư)  Trồng trọt: Lúa, mía, rau màu ...  Chăn nuôi: Heo, bò, tôm., ...  Lâm nghiệp: Có rừng, trồng keo làm nương rẫy  Thuỷ sản: đánh bắt xa mờ  + Công Nghiệp (Tiểu thủ công nghiệp)  Chế biến, khai thác và chế biến khoáng sản, công nghiệp gỗ giấy, cơ khí, xây dựng, dệt may, có các khu công nghiệp như: Dung Quất; Vi ship, Tịnh Phong, Quảng Phú ...  Sản phẩm chủ yếu là: Lương thực, dầu khí, hàng may mặc, hàng nông sản  + Dịch vụ ngày một phát triển:  Giao thông vận tải: Chủ yếu là đường bộ, đường sắt và hàng không ngày càng mở rộng các tuyến đường bộ( xe đò, xe khách, taxi(quốc lộ 1A); các tuyến đường liên huyện cũng được nâng cấp, mở rộng.  - HS chú ý lắng nghe.  + Trồng nhiều cây xanh làm bầu không khí trong lành. Vớt rác, xử lí nước ở kênh rạch, ao hồ. Trồng mới rừng. ........  - HS chú ý lắng nghe. |
| **3. Luyện tập** | | |
| **Hoạt động 2: Hoàn thành bảng thông tin về hoạt động kinh tế ở** Quảng Ngãi  **(TL nhóm 4)**  - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài.  - Mời cả lớp sinh hoạt nhóm 4, cùng nhau thảo luận và hoàn thành bảng thông tin.   |  |  | | --- | --- | | **A** | **B** | | Tên một số hoạt động kinh tế nổi bật ở tỉnh Quảng Ngãi | ? | | Tên một số địa điểm du lịch nổi tiếng của tỉnh Cà Mau Quảng Ngãi |  |   - GV mời các nhóm trưng bài kết quả lên bản lớp.  - GV mời cả lớp cùng quan sát và đánh giá kết quả.  - GV nận xét tuyên dương  **- GV theo dõi hỗ trợ HSKT** | | - 1 HS đọc yêu cầu bài.  - Cả lớp sinh hoạt nhóm 4, cùng nhau thảo luận và hoàn thành bảng thông tin.   |  |  | | --- | --- | | **A** | **B** | | Tên một số hoạt động kinh tế nổi bật ở tỉnh Quảng Ngãi | Trồng lúa, Nuôi tôm, Chế biến thuỷ hải sản, Trồng rừng. | | Tên một số địa điểm du lịch nổi tiếng của tỉnh Quảng Ngãi |  |   - Đại diện các nhóm trưng bài kết quả lên bản lớp.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm    *Nghề làm muối ở Sa Huỳnh*  **-HSKT tham các HĐ học tập cùng bạn** |
| **4. Vận dụng trải nghiệm.** | | |
| - GV mời HS tham gia trò chơi “Ai nhanh – Ai đúng”  + Luật chơi: chơi theo tổ, mỗi tổ cử một số bạn tham gia chơi. Trong thời gian 1 phút mỗi tổ nêu các câu ca dao, tục ngữ, bài hát nói về Quảng Ngãi. Tổ nào nêu đúng và nhiều nhất là thắng cuộc.  + GV mời các tổ tham gia cùng tham gia chơi, GV làm trọng tài bấm giờ và xác định kết quả.  + Nhận xét kết quả các tổ, tuyên dương.  - Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò về nhà. | - Học sinh lắng nghe luật trò chơi.  + Các tổ tham gia chơi.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. | |

**Thứ 6 ngày 20 tháng 9 năm 2024**

**Toán:**

**Bài 04: BIỂU THỨC CHỨA CHỮ (Tiết 3)**

**LUYỆN TẬP – Trang 17**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.**

***1. Năng lực đặc thù:***

- Nhận biết được biểu thức chứa ba chữ.

- Vận dụng thực hành tính giá trị của biểu thức chứa ba chữ vào các bài tập cơ bản.

- Phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học.

- Vận dụng bài học vào thực tiễn.

***2. Năng lực chung.***

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự giác học tập, làm bài tập và các nhiệm vụ được giao.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tốt trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong hoạt động nhóm.

***3. Phẩm chất.***

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác học tập, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:** | |
| - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.  Cho biểu thức: 16 : (4 – a).  + Câu 1: Tính giá trị của biểu thức với a = 0  + Câu 2: Tính giá trị của biểu thức với a = 2  + Câu 3: Tính giá trị của biểu thức với a = 3  + Câu 4: Với giá trị nào của a để biểu thức có giá trị lớn nhất?  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia trò chơi  + Trả lời:  - Với a = 0 thì 16 : (4 – a) = 16 : (4 – 0) = 16 : 4 = 4  - Với a = 2 thì 16 : (4 – a) = 16 : (4 – 2) = 16 : 2 = 8  - Với a = 3 thì 16 : (4 – a) = 16 : (4 – 3) = 16 : 1 = 16  - Với a = 3 thì 16 : (4 – a) có giá trị lớn nhất là 16.  - HS lắng nghe. |
| **2. Luyện tập:** | |
| Bài 1. (Làm việc cá nhân)  - GV mời 1 HS đọc quy tắc tính chu vi hình tam giác.  - GV: Chu vi P của hình tam giác có độ dài ba cạnh lần lượt là a, b, c (cùng đơn vị đo) được tính theo công thức: P = a + b + c. Hãy tính chu vi hình hình tam giác biết:  - GV giới thiệu: a + b + c là biểu thức có chứa ba chữ.  - GV yêu cầu học sinh làm bài cá nhân vào vở.  a) a = 62 cm, b = 75 cm, c = 81 cm.  b) a = 40 dm, b = 61 dm, c = 72 dm.  - Gọi HS nêu kết quả, HS nhận xét.  - GV nhận xét tuyên dương.  Bài 2: Với m = 9, n = 6, p = 4 hai biểu thức nào có giá trị bằng nhau?(Làm việc nhóm 2)    - GV mời các nhóm trình bày.  - Mời các nhóm khác nhận xét  - GV nhận xét chung, tuyên dương.  **- GV theo dõi, hỗ trợ HSKT** | - 1 HS đọc đề bài.  - Muốn tính chu vi hình tam giác ta tính tổng độ dài ba cạnh của hình tam giác đó (cùng đơn vị đo).  - 1 HS nhắc lại.  - HS làm bài vào vở.  Bài giải:  a) Chu vi hình tam giác là:  62 + 75 + 81 = 218 (cm)  b) Chu vi hình tam giác là:  40 + 61 + 72 = 173 (dm)  Đáp số: a) 218 cm; b) 173 dm.  - HS theo dõi, nhận xét.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.  - 1 HS đọc đề bài.  - HS làm bài theo nhóm 2.  A) Với m = 9, n = 6, p = 4 thì m – (n – p) = 9 – (6 – 4) = 9 – 2 = 7.  B) Với m = 9, n = 6, p = 4 thì m x (n – p) = 9 x (6 – 4) = 9 x 2 = 18.  C) Với m = 9, n = 6, p = 4 thì m x n – m x p = 9 x 6 – 9 x 4 = 54 – 45 = 9.  D) Với m = 9, n = 6, p = 4 thì m – n + p = 9 – 6 + 4 = 3 + 4 = 7.  Vậy: m – (n – p) = m – n + p  m x (n – p) = m x n – m x p  - Các nhóm trình bày.  - Các nhóm khác nhận xét.  - Lắng nghe, rút kinh nghiệm.  -**HSKT đọc viết số theo HD của GV** |
| **3. Vận dụng trải nghiệm.** | |
| GV tổ chức Trò chơi: Hái bưởi.  - GV hướng dẫn luật chơi (cặp đôi)  - Tổ chức cho HS thực hiện trò chơi.  - Nhận xét, tuyên dương. | - HS lắng nghe.  - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  - HS lắng nghe để vận dụng vào thực tiễn. |

**ĐỌC MỞ RỘNG**

**Bài: ĐỌC CÂU CHUYỆN VỀ NHỮNG NGƯỜI CÓ NĂNG KHIẾU NỔI BẬT.**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.**

***1. Năng lực đặc thù:***

- Tìm đọc câu chuyện về những người có năng khiếu nổi bật, viết được phiếu đọc sách theo mẫu.

- Biết trao đổi, chia sẻ với bạn về nội dung câu chuyện đã đọc; nhớ tên những câu chuyện của tác giả yêu thích và kể lại cho người thân.

- Phát triển năng lực ngôn ngữ.

- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn: Biết trân trọng vẻ đẹp và giá trị của những người xung quanh; đánh giá, nhận xét, bày tỏ ý kiến về vẻ đẹp cửa mỗi người.

***2. Năng lực chung.***

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Tự tin, mạnh dạn, biết trao đổi nhận xét trong giao tiếp.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Nâng cao kĩ năng nói và nghe trong giao tiếp.

***3. Phẩm chất.***

- Phẩm chất yêu nước: Biết yêu quê hương, đất nước qua quan sát và tìm hiểu các hình ảnh trong bài.

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài học, biết lắng nghe và nhận xét về bạn.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | |
| **1. Khởi động:** | | |
| - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.  + Câu 1: Kể tên một người mà em biết có tài năng đặc biệt  + Câu 2: Giới thiệu điều em ngưỡng mộ và học tập ở người đó  - GV nhận xét, tuyên dương  - GV dẫn dắt vào bài mới - GV Nhận xét, tuyên dương. | - HS tham gia trò chơi. HS nối tiếp nhau trả lời.  + HS trả lời.  + HS trả lời.  - HS lắng nghe. | |
| **2. Hoạt động.** | | |
| **1: Đọc câu chuyện về những người có năng khiếu nổi bật.**  - GV gợi ý :  + Thần đồng đất Việt  + Danh nhân thế giới - GV mời HS nêu yêu cầu bài tập 1.  - GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu bài tập gới thiệu câu chuyện mình đã đọc tên truyện, tên tác giả đọc ở đậu...  - GV giao nhiệm vụ cho HS suy nghĩ, thực hiện theo hướng dẫn.  - Mời một số nhóm trình bày kết quả thảo luận.  - Mời HS khác nhận xét.  - GV nhận xét, tuyên dương, bổ sung. | | - 1 HS đọc yêu cầu bài tập 1.  + Em tìm đọc câu chuyện về người có năng khiếu nổi bật qua sách báo, internet,…  - HS lắng nghe, suy nghĩ.  - HS thảo luận theo nhóm 2.  - HS chia sẻ trước lớp  - HS nhận xét bạn mình.  - Lắng nghe rút kinh nghiệm. |
| **2: Viết phiếu đọc sách theo mẫu.**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | PHIẾU ĐỌC SÁCH | | | | Tên câu chuyện | Tác giả | Ngày đọc | | Nội dung chính | | | | Lí do yêu thích câu chuyện | | | | Mức độ yêu thích | | |   - GV yêu cầu HS đọc yêu cầu bài 2.  - GV giao nhiệm vụ làm việc theo nhóm 2 thực hiện yêu cầu bài tập 2.  Viết lại câu chuyện vừa giới thiệu ở bài tập 1 của mình vào phiếu gợi ý.  - GV mời các nhóm trình bày kết quả.  - GV yêu cầu các nhóm khác nhận xét.  - GV nhận xét, tuyên dương  **3. Trao đổi với bạn về nội dung câu chuyện mà em đã đọc.**  Hs trao đổi với các bạn về nội dung câu chuyện đã đọc (VD: Nội dung câu chuyện nói về điều gì? Nhân vật chính trong truyện là ai? Nhân vật đó có năng khiếu gì nổi bật? Em hãy nêu tinh cảm, cảm xúc của minh về nhân vật đó,... | | - HS đọc yêu cầu bài tập 2.  - Các nhóm làm việc theo yêu cầu.  HS trong lớp chia sẻ những nội dung đã ghi trong phiếu đọc sách với các bạn.  HS ghi chép các thông tin cơ bản vào phiếụ đọc sách hoặc có thể trao đổi về nhân vật, năng khiếu của nhân vật trong câu chuyện theo nhóm.  HS chia sẻ trong nhóm, ghi vào phiếu đọc sách các thông tin cơ bản trong phiếu và những lí do yêu thích câu chuyện.  - Đại diện nhóm trình bày.  - Các nhóm nhận xét cho nhau.  - Lớp Theo dõi bổ sung.  HS làm việc nhóm 3 hoặc nhóm 4, giới thiệu về tác giả cuốn sách, những câu chuyện trong sách,...  - Lớp theo dõi nêu ý kiến bổ sung  -**HSKT tham gia các HĐ học tập cùng bạn** |
| **3. Vận dụng trải nghiệm** | | |
| - GV trao đổi những về những hoạt động HS yêu thích trong bài  - GV cho HS thực hiện *Kề với người thân một câu chuyện của tác giả mà em yêu thích.*  - GV- HS dưới lớp quan sát nhận xét.  - Nhận xét, đánh giá tiết dạy.  - Dặn dò HS ôn bài 4 và đọc trước bài 5. | - HS trả lời theo ý thích của mình.  - HS lắng nghe, thực hiện.  - HS nhận xét. | |

**Khoa học:**

**Bài 2: SỰ CHUYỂN THỂ CỦA NƯỚC VÀ VÒNG TUẦN HOÀN CỦA NƯỚC**

**TRONG TỰ NHIÊN (Tiết 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

\* Năng lực đặc thù:

- HS được củng cố lại các kiến thức đã học về sự chuyển thể của nước và vòng tuần hoàn của nước trong tự nhiên.

\* Năng lực chung: năng lực tư duy, giải quyết vấn đề, giao tiếp hợp tác.

\* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: Máy tính, ti vi, phiếu học tập

- HS: SGK, vở ghi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Mở đầu:**  - GV tổ chức cho HS trò chơi: Ai nhanh ai đúng?  Câu 1: Nước có thể tồn tại ở dạng thể nào?  A. Rắn B. Lỏng  C. Khí C. Cả 3 đáp án trên  Câu 2: Hiện tượng nước từ thể rắn chuyển sang thể lỏng được gọi là:  A. Nóng chảy B. Đông đặc  C. Ngưng tụ D. Bay hơi | - HS tham gia chơi  - HS trả lời  - HS trả lời |
| - GV giới thiệu- ghi bài  **2. Hình thành kiến thức mới:**  \* HĐ 2.2  - GV yêu cầu các nhóm quan sát hình 7: Thảo luận và trả lời câu hỏi, vẽ sơ đồ theo các gợi ý:  + Từ nào trong các từ: Hơi nước, mây đen, mây trắng, giọi mưa phù hợp với các ô chữ A, B, C, D?  (*Các từ: hơi nước, mây trắng, mây đen, giọi mưa tương ứng với các ô chữ)*  + Từ nào trong các từ in đậm ở hình 6 phù hợp với các số (1), (2), (3), (4) trên hình 7?  *(Từ in đậm trong hình 6: bay hơi, ngưng tụ, tiếp tục ngưng tụ, mưa, trở về tương ứng với các số tương ứng trong hình)*  - GV cho các nhóm trả lời câu hỏi, trình bày sơ đồ đã vẽ  - GV yêu cầu HS nhận xét chéo nhau.  - GV hỏi: Em hãy nói về vòng tuần hoàn của nước trong tự nhiên sau khi hoàn thành sơ đồ?  **3. Thực hành, luyện tập**  **-** GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm đôi trả lời các câu hỏi vào phiếu  Câu 1: Nước có thể tồn tại ở thể nào?  (Nước có thể tồn tại ở thể: rắn, lỏng, khí)  Câu 2: Hãy sử dụng các cụm từ: Bay hơi, ngưng tụ, đông đặc và nóng chảy để mô tả sự chuyển thể của nước ở hình 2 và hình 3 trong SGK?  (*Thể rắn nóng chảy Thể lỏng*  *Thể khí Ngưng tụ Thể lỏng*  *Thể lỏng Đông đặc Thể rắn*  *Thể lỏng Bay hơi Thể khí)*  Câu 3: Người ta thường sấy tóc sau khi gội đầu. Em hãy cho biết mục đích của việc làm này và giải thích?  (*Mục đích của sấy tóc là để tóc khô vì dưới tác dụng từ nhiệt của máy sấy thì nước ở thể lỏng chuyển sang thể khí và bay hơi)*  - GV gọi đại diện các nhóm nêu  - GV tổ chức cho các nhóm nhận xét chéo.  - GV nhận xét, khen nhóm trả lời tốt  **4. Vận dụng, trải nghiệm**  - GV gọi HS trả lời mục: Em có thể”  - Nhận xét tiết học | - HS quan sát  - HS trả lời  - HS trả lời  - Đại diện các nhóm trả lời  - HS thực hiện  - HS trả lời  - HS thảo luận nhóm  - HS nêu  - Đại diện các nhóm nêu  - HS thực hiện  - HS lắng nghe  -**HSKT tham gai các HĐ học tập cùng bạn**  - HS thực hiện |

**Chủ đề: NHẬN DIỆN BẢN THÂN**

**Sinh hoạt lớp: NIỀM TỰ HÀO TRONG TIM**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Học sinh chia sẻ được kết quả thực hiện những việc làm theo dự kiến để phát huy niềm tự hào của bản thân.

- Học sinh được khuyến khích chia sẻ niềm tự hào về những đặc điểm và việc làm tốt đẹp của mình, từ đó có động lực duy trì, phát huy các việc làm đó.

- Đánh giá kết quả hoạt động trong tuần, đề ra kế hoạch hoạt động tuần tới.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Bản thân tự tin chia sẻ kết quả thực hiện những việc làm đáng tự hào của mình cùng gia đình trước tập thể.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết tự hào về những việc làm của mình.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết chia sẻ với bạn niềm vui khi cùng gia đình những việc làm đáng tự hào của mình

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Tôn trọng, yêu quý bạn bè và niềm tự hào về bản thân của các bạn.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có tinh thần chăm chỉ rèn luyện để xây dựng hình ảnh bản thân trước tập thể.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức với lớp, tôn trọng nền nếp, nội quy lớp học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:** | |
| - GV cho học sinh nêu những việc làm đáng tự hào của em trước lớp.  *Gợi ý:* Những việc làm thành công, những việc làm thể hiện sự tiến bộ, ...để khởi động bài học.  + Mời học sinh trình bày.  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới. | - HS lắng nghe.  - HS lên chia sẻ  - HS lắng nghe. |
| **2. Sinh hoạt cuối tuần***:* | |
| **\* Hoạt động 1: Đánh giá kết quả cuối tuần. (Làm việc theo tổ)**  **-** GV mời lớp trưởng điều hành phần sinh hoạt cuối tuần: Đánh giá kết quả hoạt động cuối tuần.  - Lớp trưởng lên điều hành nội dung sinh hoạt: Mời các tổ thảo luận, tự đánh giá kết quả kết quả hoạt động trong tuần:  + Sinh hoạt nền nếp.  + Thi đua của đội cờ đỏ tổ chức.  + Kết quả hoạt động các phong trào.  + Một số nội dung phát sinh trong tuần...  - Lớp trưởng mời Tổ trưởng các tổ báo cáo.  - Lớp trưởng tổng hợp kết quả và mời giáo viên chủ nhiệm nhận xét chung.  - GV nhận xét chung, tuyên dương. (Có thể khen, thưởng,...tuỳ vào kết quả trong tuần)  **\* Hoạt động 2: Kế hoạch tuần tới. (Làm việc nhóm 4 hoặc theo tổ)**  **-** GV yêu cầu lớp Trưởng (hoặc lớp phó học tập) triển khai kế hoạch hoạt động tuần tới. Yêu cầu các nhóm (tổ) thảo luận, nhận xét, bổ sung các nội dung trong kế hoạch.  + Thực hiện nền nếp trong tuần.  + Thi đua học tập tốt theo chấm điểm của đội cờ đỏ.  + Thực hiện các hoạt động các phong trào.  - Lớp trưởng báo cáo kết quả thảo luận kế hoạch và mời GV nhận xét, góp ý.  - GV nhận xét chung, thống nhất, và biểu quyết hành động. | - Lớp trưởng lên điều hành phần sinh hoạt cuối tuần: Đánh giá kết quả hoạt động cuối tuần.  - Mời các nhóm thảo luận, tự đánh giá kết quả kết quả hoạt động trong tuần.  - Các tổ trưởng lần lượt báo cáo kết quả hoạt động cuối tuần.  - Lắng nghe rút kinh nghiệm.  - 1 HS nêu lại nội dung.  - Lớp Trưởng (hoặc lớp phó học tập) triển khai kế hoạt động tuần tới.  - HS thảo luận nhóm 4 hoặc tổ: Xem xét các nội dung trong tuần tới, bổ sung nếu cần.  - Một số nhóm nhận xét, bổ sung.  - Cả lớp biểu quyết hành động bằng giơ tay. |
| **3. Sinh hoạt chủ đề.** | |
| **Hoạt động 3: Chia sẻ về kết quả thực hiện những việc làm đáng tự hào của em (Làm việc chung cả lớp)**  - GV YC HS chia sẻ theo cặp đôi về kết quả thực hiện những việc làm đáng tự hào của bản thân và cảm xúc của em khi thực hiện những việc làm đó.  - GV gọi HS nêu cảm nghĩ của em sau khi lắng nghe phần chia sẻ của các bạn  - GV nhận xét chung, tuyên dương HS  - GV kết luận: Mỗi em cần cố gắng hơn để bản thân ngày càng trở nên đáng yêu đáng tự hào.  \* GV tổ chức cho HS chơi trò chơi: *Tôi tự hào*  - GV HD cho học sinh về cách chơi (SGK trang 9)  - GV tổ chức cho HS chơi thử  - GV mời học sinh tiến hành chơi  - GV nhận xét, tuyên dương HS  - GV cho HS thảo luận sau khi chơi:  + Em cảm thấy thế nào khi chơi trò chơi này?  + Trò chơi giúp em nhận ra điều gì?  - GV nhận xét, kết luận: Chúng ta cần tự hào về bản thân và tự tin chia sẻ niềm tự hào đó với mọi người. | - HS chia sẻ theo cặp đôi và thực hiện yêu cầu.  - HS nêu cảm nghĩ của mình.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm  - HS lắng nghe  - HS tham gia chơi trò chơi  - HS lắng nghe cách chơi  - HS chơi thử  - HS tham gia chơi trò chơi  - HS trả lời các câu hỏi  - HS lắng nghe  -**HSKT tham gia các hoạt động HT cùng bạn.** |
| **4. Vận dụng trải nghiệm.** | |
| - GV nêu yêu cầu và hướng dẫn học sinh về nhà cùng với người thân:  + Suy nghĩ và thảo luận với người thân về những việc cần làm để phát huy đặc điểm đáng tự hào của em  + Tiếp tục thực hiện những việc làm đáng tự hào của bản thân  - Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò về nhà. | - Học sinh tiếp nhận thông tin và yêu cầu để về nhà ứng dụng với các thành viên trong gia đình.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm |